# ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

## *CHƯƠNG MỞ ĐẦU*

## ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ViỆT NAM

### I. ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

#### 1. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

*a. Khái niệm "đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam"*

- Đảng Cộng sản Việt Nam và cách mạng Việt Nam

- Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

*"Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách nạng Việt Nam."*

- Hình thức biểu hiện: Cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị

- Phân loại tổng thể: có đường lối đối nội, đường lối đối ngoại, đương lối bảo vệ tổ quốc (Chương trình GDQP).

- Tính chất toàn diện và phong phú:

+ Đường lối chung cho toàn bộ quá trình cách mạng (độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội)

+ Đường lối riêng cho từng thời kỳ lịch sử:

Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân;

Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa;

Đường lối cách mạng trong thời kỳ khởi nghĩa giành chính quyền (39-45);

Đường lối cách mạng miền Nam trong thời kỳ chống Mỹ (1954-1975);

Đường lối đổi mới (từ đại hội VI, năm 1986 – đến nay).

+ Đường lối riêng cho từng lĩnh vực:

Đường lối CNH;

Đường lối phát triển kinh tế-xã hội;

Đường lối văn hóa văn nghệ;

Đường lối xây dựng Đảng và Nhà nước;

Đường lối ngoại giao…

- Vai trò của đường lối:

+ quyết định thắng lợi của cách mạng;

+ quyết định vị trí, vai trò, uy tín của Đảng;

- Giá trị của đường lối cách mạng:

Chỉ có khi nó mang tính khoa học và cách mạng (phản ánh quy luật và phát triển theo quy luật).

- Cơ sở để hoạch định đường lối:

Đảng phải được trên quan điểm lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, tri thức tiên tiến của nhân loại và phù hợp với đặc điểm yêu cầu, nhiệm vụ thực tiễn của cách mạng Việt -Nam và xu thế quốc tế của thời đại.

### *b. Đối tượng nghiên cứu môn học*

- Đường lối do Đảng đề ra trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay.

- Mối quan hệ mật thiết giữa môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam với môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và môn Tư tưởng Hồ Chí Minh.

### 2. Nhiệm vụ nghiên cứu

*Một là,* làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam;

*Hai là*, làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng;

*Ba là*, làm rõ kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC

### 1. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp = con đường, cách thức và biện pháp để đạt mục đích

- Phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam = con đường, cách thức để nhận thức đúng đắn nội dung cơ bản của đường lối và hiệu quả tác động trong thực tiễn cách mạng VN.

#### *a. Cơ sở phương pháp luận chung*

- Thế giới quan và phương pháp luận KH của Chủ nghĩa Mác-Lênin

- Các quan điểm có ý nghĩa phương pháp luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng.

#### *b. Phương pháp cụ thể*

- Phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic

- Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh…

### 2. Ý nghĩa của việc học tập môn học

---

# CHƯƠNG I

# SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

## I. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ RA ĐỜI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

### 1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

*a. Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó*

- Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh chuyển thành chủ nghĩa tư bản độc quyền (chủ nghĩa đế quốc).
- Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và chủ nghĩa thực dân ngày càng gay gắt, phong trào giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ.

*b. Ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin*

- Chủ nghĩa Mác-Lênin:

Chủ nghĩa Mác ra đời vào giữa thế kỷ XIX được V.I.Lênin phát triển thành chủ nghĩa Mác-Lênin vào đầu thế kỷ XX.

- Tuyên ngôn của đảng cộng sản và tư tưởng cơ bản của tuyên ngôn.

- Từ khi chủ nghĩa Mác-Lênin được truyền bá vào Việt Nam, phong trào yêu nước và phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ theo khuynh hướng vô sản dẫn tới sự ra đời các tổ chức Cộng sản ở Việt Nam.

*c. Tác động của Cách mạng tháng Mười Nga và Quốc tế Cộng sản*

- **Cuộc cách mạng tháng Mười Nga**

- Mở đầu một thời đại mới "thời đại chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc";

- Cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân các nước;

- Là một trong những động lực thúc đẩy sự ra đời của nhiều Đảng Cộng sản: Đảng CS Đức, Hunggari (1918); Đảng CS Mỹ (1919); Đảng CS Anh, Đảng CS Pháp (1920); Đảng CS Trung Quốc, Đảng CS Mông Cổ (1921); Đảng CS Nhật Bản (1922)…

- Cách mạng tháng Mười Nga (theo Nguyễn Ái Quốc) như tiếng sét đánh thức nhân dân châu Á tỉnh giấc mê hàng thế kỷ nay.

*" Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng, muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có Đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin". (Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.1, tr.39.)*

- **Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III)** được thành lập 3-1919

- Thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

- *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin được công bố tại đại hội II Quốc tế Công sản năm 1920 đã chỉ ra phương hướng đấu tranh của các dân tộc thuộc địa, mở ra con đường giải phóng các dân tộc bị áp bức trên lập trường cách mạng vô sản

*"An Nam muốn cách mạng thành công, thì tất phải nhờ Đệ tam quốc tế" (Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.2, tr.287.)*

**2. Hoàn cảnh trong nước**

*a. Xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp*

- ***Chính sách cai trị của thực dân Pháp***

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam. Sau khi tạm thời dập tắt được phong trào đấu tranh của nhân dân ta, thực dân Pháp từng bước thiết lập bộ máy thống trị ở Việt Nam.

- *Về chính trị*

+ Tước bỏ quyền lực đối nội, đối ngoại của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn;

+ Thực hiện chính sách chia để trị - Chia VN thành ba xứ (Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ) và thực hiện mỗi kỳ một chế độ cai trị riêng.

- *Về kinh tế*

+ Cướp đoạt ruộng đất lập đồn điền;

+ Đầu tư khai thác tài nguyên;

+ Xây dựng một số cơ sở công nghiệp;

+ Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đường giao thông, bến cảng… phục vụ cho chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, hình thành ở VN một số ngành kinh tế mới nhưng lệ thuộc vào tư bản Pháp và bị kìm hãm trong vòng lạc hậu.

- *Về văn hóa*

Thực dân Pháp thực hiện chính sách văn hóa thực dân:

+ Dung túng, duy trì các hủ thục lạc hậu;

+ Đầu độc một cách thê thảm bằng thuốc phiện, rượu cồn;

+ Kìm hãm con người trong ngu dốt, tối tăm, không có quyền tự do học tập.

- **Tình hình giai cấp và mâu thuẫn xã hội**

- Xã hội Việt Nam phân hóa sâu sắc:

+ Giai cấp địa chủ

+ Giai cấp nông dân

+ Giai cấp công nhân

+ Giai cấp tư sản Việt Nam

+ Tầng lớp tiểu tư sản Việt nam

- Mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt nam:

+ Mâu thuẫn giữa nhân dân, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến;

+ Mâu thuẫn vừa cơ bản vừa chủ yếu giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược.

- Tính chất của xã hội Việt Nam: Thuộc địa nửa phong kiến.

- Yêu cầu đặt ra cho cách mạng Việt Nam: Đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược; xoa bỏ chế độ phong kiến, giành quyền dân chủ, đem ruộng đất cho nông dân. Trong đó, *chống đế quốc, giải phóng dân tộc* là nhiệm vụ hàng đầu.

*b. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX*

● ***Phong trào Cần Vương*** *(1885-1896).* Mặc dù 1-11- 1888, vua Hàm Nghi bị Pháp bắt nhưng phong trào Cần Vương vẫn tiếp tục đến năm 1896.

● ***Cuộc khởi nghĩa Yên Thế - Bắc Giang*** *(1884 – 1913).*

● ***Phong trào yêu nước*** *của tầng lớp sỹ phu tiến bộ chịu ảnh hưởng của khuynh hướng dân chủ tư sản (đầu thế kỷ XX):*

- Xu hướng bạo động, đại biểu là Phan Bội Châu
- Xu hướng bất bạo động bằng cải cách, đại biểu là Phan Châu Trinh với khẩu hiệu: Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh, mở mang dân quyền; Phản đối đấu tranh vũ trang và cầu viện nước ngoài
- Phong trào Đông kinh nghĩa thục (1907), phong trào "tẩy chay Khách trú" (1919), Phong trào chống độc quyền xuất nhập khẩu ở cảng Sài Gòn (1923), đấu tranh trong các hội đông quản hạt, hội đồng thành phố đòi tự do dân chủ, vv…

- **Sự ra đời các tổ chức đảng phái**

- *Đảng Lập hiến* (1923);

- *Đảng Thanh niên* (1926);

- *Đảng Thanh niên cao vọng* (1926);

- *Việt Nam Nghĩa đoàn* (1925), sau đổi tên thành *Tân việt cách mạng đảng* (1928), sau nữa đảng này phân hóa thành hai khuynh hướng: tư tưởng cách mạng vô sản và tư tưởng cải lương, cuối cùng khuynh hướng tư tưởng cách mạng vô sản thắng thế và phần lớn đảng viên chuyển sang *Hội Việt nam cách mạng thanh niên. Một số đảng viên tiên tiến còn lại tích cực chuẩn bị tiến tới thành lập chính đảng theo chủ nghĩa Mác-Lênin.*

- *Việt Nam Quốc dân Đảng (1928):* theo xu hướng dân chủ tư sản.

Tháng 2-1929, đảng này tổ chức ám sát Ba Danh (chùm mộ phu đồn điền cao su của Pháp). Bị khủng bố dữ dội, trước tình thế nguy cấp Đảng quyết định dốc sức tổ chức cuộc khởi nghĩa vào đêm 9-2-1930 ở Yên Bái, Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình. Cuộc Khởi nghĩa nhanh chóng bị dập tắt.

- ***Kết luận***

- Trước yêu cầu lịch sử của xã hội Việt Nam, các phong trào đấu tranh chống Pháp diễn ra sôi nổi. Mục tiêu đều hướng tới giành độc lập dân tộc nhưng trên các lập trường giai cấp khác nhau ( khôi phục chế độ phong kiến, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến, cao hơn là cộng hòa tư sản). Phương thức đấu tranh khác nhau: cải lương, bạo động, dựa vào ngoại viện.

- Một số tổ chức chính trị theo lập trường quốc gia tư sản ra đời. Nhưng các phong trào và tổ chức trên

+ Có hạn chế về giai cấp và đường lối chính trị;

+ Hệ thống tổ chức không chặt chẽ;

+ Không tập hợp được rộng rãi lực lượng toàn dân tộc nhất là hai lực lượng cơ bản (công nhân và nông dân).

+ Kết cục đều thất bại, phản ánh địa vị kinh tế và chính trị yếu kém của giai cấp tư sản dân tộc, bất lực trước những nhiệm vụ do lịch sử dân tộc Việt Nam đặt ra.

- Tuy thất bại, nhưng sự phát triển mạnh của phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có ý nghĩa rất quan trọng:

+ Tiếp tục khẳng định truyền thống yêu nước, kiên cường, bất khuất vì độc lập tự do của dân tộc VN;

+ Tạo cơ sở xã hội thuận lợi cho việc tiếp nhận chủ nghĩa Mác-Lênin và quan điểm cách mạng Hồ Chí Minh;

+ Làm thành một trong ba nhân tố (nguồn gốc) dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Sự thất bại của các phong trào yêu nước chống Pháp đã chứng tỏ con đường cứu nước theo hệ tư tưởng phong kiến và tư sản là bế tắc, cách mạng VN lâm vào tình trạng khủng hoảng về đường lối. Nhiệm vụ lịch sử đặt ra, phải tìm một con đường mới và giai cấp có đủ tư cách đại biểu cho lợi ích dân tộc, có đủ uy tín và năng lực lãnh đạo cách mạng việt Nam đến thành công.

*c. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản*

● *Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt nam.*

- Trong quá trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đi đến khẳng định:

+ Con đường cách mạng tư sản không thể đưa lại độc lập và hạnh phúc thực sự cho nhân dân thế giới nói chung và nhân dân Việt Nam nói riệng;

+ *"Trên thế giới chỉ có cách mạng Nga đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật"*

+ Sau khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin trên báo Nhân đạo (7-1920), Nguyễn Ái Quốc đã đi đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp (12-1920). Từ người yêu nước Nguyễn Ái Quốc trở thành người công sản.

*"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"*

- Nguyễn Ái Quốc đã làm gì để chuẩn bị điều kiện thành lập đảng Cộng sản Việt Nam ?

+ Tích cực truyền bá Chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam thông qua sách, báo (các bài đăng trên báo Nhân đạo, báo Đời sống công nhân. Sách "Bản án chế độ thực dân Pháp" năm 1925.

+ Tháng 11-1924 Nguyễn Ái Quốc tới Quảng Châu (Trung Quốc). Tháng 6-1925 Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, có Chương trình hoạt động và điều lệ rõ ràng:

▫ Mục đích: làm cách mạng dân tộc và cách mạng thế giới.

▫ Sau khi cách mạng thành công, lập chính phủ nhân dân, mưu cầu hạnh phúc cho dân, tiến lên xây dựng xã hội cộng sản chủ nhĩa.

▫ Đoàn kết với giai cấp vô sản các nước, phong trào cách mạng thế giới.

- Từ năm 1925 đến măm 1927, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên mở các lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ cách mạng VN.

- Thực hiện chủ trương "vô sản hóa", đưa cán bộ vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền để rèn luyện lập trường và truyền bá Chủ nghĩa Mác-Lênin và lý luận giải phóng dân tộc.

- Lựa chọn những thanh niên ưu tú gửi đi học trường đại học Phương Đông (Liên Xô), trường Lục quân Hoàng Phố (Trung Quốc).

- Ra các tờ báo: *Thanh niên, Công nông, Lính cách mệnh, Tiền phong* để truyền bá Chủ ngĩa Mác-Lênin vào Việt Nam.

- Bộ tuyên truyền của hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức xuất bản tác phẩm *"Đường cách mệnh"* (tập hợp các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc ở lớp huấn luyện chính trị của hội Việt Nam cách mệnh thanh niên tại Quảng châu). Tác phẩm chỉ rõ:

+ Tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam (cách mạng giải phóng dân tộc mở đường tiến lên XHCN).

+ Mối quan hệ giữa hai cuộc cách mạng.

+ Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng chứ không phải của một vài người.

+ Lực lượng nòng cốt của cách mạng là công-nông.

+ Lãnh đạo cách mạng là Đảng Cộng sản Việt nam (người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy). Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm gốc (Chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin).

+ Quan hệ quốc tế: đoàn kết với các lực lượng cách mạng thế giới.

*"Cách mạng An Nam cũng là một bộ phận trong cách mạng thế giới. Ai làm cách mạng trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả".*

+ Về phương pháp cách mạng: phải giác ngộ và tổ chức quần chúng cách mạng, phải biết cách làm "mưu chước",kết hợp khởi nghĩa với sự nổi dậy của toàn dân…

Ý nghĩa của tác phẩm *"Đường cách mạng"* : chứa đựng những nội dung cơ bản của một cương lĩnh chính trị, chuẩn bị về tư tưởng cho việc thành lập Đảng; là tác phẩm có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn đối với cách mạng Việt Nam.

● ***Sự phát triển của phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản***

- Giai đoạn 1919 – 1925: phong trào đình công, bãi công của công nhân đòi tăng lương, chống đánh đập, đuổi thợ giãn thợ…

(điển hình: CN Ba Son năm 1925; nhà máy sợi Nam Định 30-4-1925).

- Giai đoạn 1926 – 1929, phong trào CN có đặc điểm mới:

+ Đã có sự lãnh đạo của các tổ chức cách mạng – Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Công hội đỏ, các tổ chức Cộng sản (1929);

+ Quy mô rộng lớn, chỉ năm 1928-1929 toàn quốc có ra 40 cuộc đấu tranh;

+ Phong trào mang tính chất chính trị rõ rệt, liên kết các địa phương, các nhà máy;

+ Lôi cuốn phong trào dân tộc theo con đường CM vô sản;

+ Liên kết chặt chẽ với phong trào yêu nước và phong trào nông dân, nhiều tỉnh dân cầy nổi dậy chống đế quốc và địa chủ kịch liệt.

+ Nét nổi bật là phong trào đấu tranh của Công-Nông mang tính độc lập rõ rệt.

- ***Sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam***

*- Bối cảnh ?*

*Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt nam xuất hiện:*

(cuối tháng 3 – 1929, tại Hà Nội một số hội viên tiên tiến của tổ chức Thanh niên cách mạng Bắc Kỳ lập ra chi bộ Cộng sản đầu tiên ở VN do đồng chí Trần Văn Cung làm Bí thư chi bộ.)

*Bất đồng tại Đại hội lần thứ nhất của Việt Nam cách mạng thanh niên* (tháng 5-1929):

+ một bộ phận muốn giải thể hội Việt Nam cách mạng thanh niên để thành lập đảng cộng sản;

+ một bộ phận khác muốn vừa thành lập đảng cộng sản vừa không muốn phá hội Thanh niên trước khi thành lập được đảng.

Trong bối cảnh đó, các tổ chức cộng sản khác nhau ra đời.

***- Ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam ra đời***

Đông Dương Cộng sản Đảng (ở Bắc kỳ): tháng 6-1929;

An Nam Cộng sản Đảng (ở Nam kỳ): Mùa thu năm 1929;

Đông Dương Cộng sản liên đoàn: do một phận tiên tiến của Đảng Tân việt tách ra thành lập vào Tháng 9-1929.

Ba tổ chức cộng sản đều chung mục đích chống đế quốc và phong kiến, đều dựa vào công-nông, đều đặt mục tiêu xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam, nhưng hoạt động riêng rẽ, phân tán gây ảnh hưởng xấu đến phong trào cách mạng. Khắc phục tình trạng trên là nhiệm vụ cấp bách của những người cộng sản Việt Nam.

# II. HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG VÀ CƯƠNG LĨNH ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

## 1. Hội nghị thành lập Đảng

- Ngày 27-10-1929 Quốc tế Cộng sản gửi tài liệu chỉ đạo việc thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương.

- Nguyễn Ái Quốc từ Xiêm (Thái Lan) đến Trung Quốc chủ trì hội nghị hợp nhất Đảng tại Hương Cảng.

- Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản (18-2-1930) Nguyễn Ái Quốc viết *:"Chúng tôi họp vào ngày 6-1…Các đại biểu trở về An- Nam ngày 8-2"* ⟶ Nghị quyết đại hội III (1960) lấy ngày 3-2 dương lịch làm ngày thành lập Đảng.

- Thành phần hội nghị hợp nhất:

1 đại biểu Quốc tế Cộng sản; 2 đại biểu Đông Dương Cộng sản Đảng; 2 đại biểu An Nam Cộng sản.

**- Nội dung hội nghị**

+ Thảo luận đề nghị của Nguyễn Ái Quốc gồm 5 điểm

*"1. Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản ở Đông dương;*

*2. Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam;*

*3. Thảo chính cương và điều lệ sơ lược của Đảng;*

*4. Định kế hoạch việc thống nhất trong nước;*

*5. Cử một ban Trung ương lâm thời gồm 9 người, trong đó có 2 chi bộ cộng sản Trung Quốc ở Đông Dương".*

Sau khi thảo luận, hội nghị đã nhất trí đề nghi của Nguyễn Ái Quốc, quyết định hợp nhất các tổ chức Cộng sản lấy tên là "Đảng Cộng sản Việt nam."

+ Thảo luận và thông qua các văn kện quan trọng: Chánh cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, chương trình vắn tắt, điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**+ Quyết định phương châm, kế hoạch thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước, ra báo, tạp chí của Đảng.**

Ngày 24-2-1930, Trung ương lâm thời họp ra nghị quyết, chấp nhận *Đông Dương Cộng sản liên đoàn* ra nhập *Đảng Cộng sản Việt nam.* ⟶ 24 -2-1930 hoàn tất hợp nhất 3 tổ chức cộng sản ở Việt nam.

## 2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

- Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam = Chánh cương vắn tắt + Sách lược vắn tắt + Chương trình tóm tắt, được thông qua tại hội nghị thành lập Đảng.
- Nội dung cương lĩnh – các vấn đề cơ bản của CM:

- Phương hướng chiến lược: *"Tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"*
- Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng:

+ *Về chính trị*: Đánh đổ đế quốc và phong kiến, dành độc lập hoàn toàn cho dân tộc, lập chính phủ công nông binh, tổ chức quân đội công nông.

+ *Về kinh tế:*

Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn của Pháp giao cho chính phủ công-nông-binh quản lý; tịch thu ruộng đất của đế quốc Pháp chia cho dân cầy nghèo; mở mang công-nông nghiệp; thi hành ngà làm việc 8h.

+ *Về văn hóa-xã hội:*

dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền; phổ thông giáo dục theo công nông hóa …

+ *Về lực lượng cách mạng:*

dựa vào dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng, đánh đổ địa chủ phong kiến;

giải phóng dân cày và thợ thuyền khỏi quyền lực của tư bản;

liên lạc với trí thức, tiểu tư sản, trung nông… lôi kéo họ đi theo giai cấp vô sản;

lợi dụng và trung lập phú nông, trung và tiểu địa chủ;

đánh đổ các lực lượng đã ra mặt phản cáh mạng.

+ *Về lãnh đạo cách mạng:*

Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng;

Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản

Không thỏa hiệp, nhượng bộ lợi ích của công nông.

+ *Về quan hệ với phong trào cách mạng thế giới:*

Cách mạng Việt nam là một bộ phận của cách mạng thế giới;

Phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới nhất là giai cấp vô sản pháp.

**3. Ý nghĩa lịch sử của sự ra đời Đảng Cộng sản Việt nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng**

- Quy tụ 3 tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất – Đảng Cộng sản Việt Nam theo đường lối chính trị đúng đắn, tạo nên sự thống nhất tư tưởng, chính trị và hành động của phong trào cách mạng cả nước;

- Đảng Cộng sản Việt nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp;

Là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam và hệ tư tưởng Mác-Lênin đối với cách mạng Việt Nam.

Là *"một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng nước ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cáh mạng"* *(Nguyễn Ái Quốc).*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát *"Chủ nghĩa Mác-Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn đến việc thành lập Đảng Cộng sản Đông dương vào Đầu Năm 1930"*

- Quá trình chuẩn bị cho thành lập Đảng trong thực tế đã chỉ ra,Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh không chỉ vận dụng sáng tạo mà còn bổ sung phát triển Chủ nghĩa Mác-Lênin về Đảng Cộng sản.

"…*Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân trọn vẹn nhất cho sự kết hợp…giai cấp và dân tộc, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc với CNXH". (văn kiện Đảng, t.51, tr.127-128).*

- Cương lĩnh chính trị đúng đắn là cơ sở để một Đảng nắm được ngọn cờ lãnh đạo cách mạng, giải quyết được tình trạng khủng hoảng về đường lối CM, về giai cấp lãnh đạo cách mạng, mở ra con đường phát triển mới cho đất nước.

- Đảng Cộng sản VN ra đời với cương lĩnh đúng đắn của mình là nhân tố quyết định sự thắng lợi của của cách mạng VN, đồng thời góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

---

# CHƯƠNG II

# ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 – 1945)

## I. CHỦ TRƯƠNG ĐẤU TRANH TỪ NĂM 1930 ĐẾN 1939

### 1. Thời kỳ 1930 – 1935

#### *a. Luận cương chính trị tháng 10 – 1930*

- **Hội nghị BCH Trung ương lần thứ nhất**

Thời gian: từ 14 đến 30-10-1930, tại Hương Cảng (TQ),
Người chủ trì: đồng chí Trần Phú.

Nội dung hội nghị:

- Thảo luận và thông qua nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ cần kíp của Đảng;
- Thảo luận và thông qua điều lệ Đảng và điều lệ các tổ chức quần chúng;
- Quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương (theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản);
- Cử BCH Trung ương chính thức và đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư.

- **Nội dung Luận cương chính trị 10-1930**

- Đặc điểm, tình hình và tính chất của xã hội Việt Nam là thuộc địa nửa phong kiến.

(mâu thuẫn giai cấp diễn ra gay gắt giữa một bên là thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ với một bên là địa chủ phong kiến và tư bản đế quốc.)

- Tính chất và phương hướng chiến lược của cách mạng Đông Dương:

Về tính chất, lúc đầu là *"cách mạng tư sản dân quyền" … "là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng"*

Về phương hướng chiến lược, sau khi cách mạng tư sản dân quyền thắng lợi sẽ tiếp tục *"phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bổn mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa".*

- Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền là đánh đổ phong kiến, thực hành cách mạng ruộng đất triệt để và đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ chiến lược trên có quan hệ mật thiết với nhau.

- Về lực lượng cách mạng:

Giai cấp vô sản vừa là động lực chính của cách mạng vừa là giai cấp lãnh đạo cách mạng;

Dân cày là động lực mạnh của cách mạng;

Tư sản thương nghiệp đứng về phe đế quốc và địa chủ chống lại cách mạng; tư sản công nghiệp đứng về phe quốc gia cải lương nhưng khi cách mạng phát triển cao sẽ theo để quốc;

Tiểu tư sản thủ công thì do dự, thương gia thì không tán thành cách mạng, trí thức thì có xu hướng quốc gia chủ nghĩa và chỉ tham gia chống đế quốc trong thời kỳ đầu, chỉ người bán hàng rong, thợ thủ công nhỏ, trí thức thất nghiệp mới theo cách mạng mà thôi.

- Về phương pháp cách mạng

Lúc thường thì thì phải đặt khẩu hiệu *"tối thiểu"* để đấu tranh, khi có tình thế cách mạng thì "võ trang bạo động" để giành chính quyền.

- Về quan hệ quốc tế

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới và cách mạng ở các nước thuộc địa.

- Về vai trò lãnh đạo của Đảng, luận cương khẳng định:

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là điều kiện cốt yếu của cách mạng Việt Nam;

Đảng phải có đường lối chính trị đúng đắn, có kỷ luật tập trung, liên hệ mật thiết với quần chúng;

Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, lấy Chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng;

Đảng là đại biểu cho quyền lợi của giai cấp vô sản, đấu tranh cho mục đích cuối cùng là CNCS.

● **Đánh giá về luận cương**

- Khẳng định lại nhiều vấn đề căn bản về chiến lược cách mạng đã được nêu ra từ Chính cương và sách lược vắn tắt.

- Sự khác nhau giữa Luận cương với Chính cương và sách lược vắn tắt:

+ Không nêu được mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc Pháp, không xác định rõ nhiệm vụ hàng đầu của CM là chống đế quốc;

+ Đánh giá không đúng về vai trò cách mạng của tầng lớp tiểu tư sản;

+ Phủ nhận mặt tích cực của tư sản dân tộc;

+ Chưa thấy được khả năng phân hóa, lôi kéo một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ trong cách mạng giải phóng dân tộc;

+ Không đề ra được một chiến lược liên minh gia cấp rộng rãi trong cách mạng chống đế quốc và tay sai.

- Nguyên nhân của mặt khác nhau:

+ Luận cương chính trị chưa phản ánh chính xác đặc điểm của xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam.

+ Hạn chế về nhận thức: ấu trĩ, tả khuynh, giáo điều…nên Hội nghị BCH Trung ương 10-1930 đã không chấp nhận những quan điểm mới, sáng tạo, độc lập tự chủ của đồng chí Nguyễn Ái Quốc nêu trong *Đường cách mệnh, Chánh cương vắn tắt và sách lược vắn tắt* .

## Cao trào cách mạng *Xô viết Nghệ - Tĩnh (1930-1931).*

- Sự đàn áp, khủng bố ác liệt của kẻ thù.
- Tổn thất nặng nề của Đảng và quần chúng cách mạng.
- Những thành quả và ý nghĩa to lớn của phong trào:

+ Cao trào Xô viết Ngệ-Tĩnh (1930-1931) là cuộc diễn tập đầu tiên của Đảng ta và quần chúng cách mạng về khởi nghĩa giành chính quyền;

+ Khẳng định trong thực tế, quyền và năng lực lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đội tiền phong của mình;

+ Đem lại niềm tin vững chắc cho giai cấp nông dân vào sự lãnh đạo của Đảng;

+ Đem lại cho đông đảo quần chúng trước hết là công-nông lòng tự tin ở sức mạnh của bản thân mình dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Hội nghị BCH Quốc tế Công sản 4-1931 ra nghị quyết công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương *"là một bộ phận độc lập của Quốc tế Cộng sản".*

- Phục hồi hệ thống tổ chức Đảng và tiếp tục lãnh đạo cuộc đấu tranh:

+ Thành lập các chi bộ Đảng trong nhà tù tiếp tục lãnh đạo đấu tranh; biến nhà tù thành trường học cách mạng; tổ chức học tập lý luận chính trị; thảo luận rút ra các bài học kinh nghiệm về phương pháp đấu tranh, phê phán những biểu hiện sai lầm… để nâng cao trình độ và củng cố tổ chức của Đảng.

+ Một số tổ chức Đảng còn lại vẫn bám sát quần chúng để hoạt động. Các đồng chí vượt ngục, tích cực tham gia khôi phục các tổ chức của Đảng, tiếp tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

+ Năm 1932 theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, đồng chí Lê Hồng Phong cùng một số cán bộ chủ chốt,tổ chức lại BCH Trung ương Đảng.

- Tháng 6-1932 BCH Trung ương công bố *"Chương trình hành động của Đảng cộng sản Đông Dương"*

Nội dung chương trình:

+ Đánh giá 2 năm đấu tranh của quần chúng công nông;

+ Khẳng định lại phương hướng hoạt động:

*Công nông Đông Dương dưới sự lạnh đạo của Đảng Cộng sản sẽ nổi lên võ trang bạo động thực hiện những nhiệm vụ chống đế quốc, chống phong kiến và tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.*

+ Khẳng định khả năng tổ chức mặt trận thống nhất các lực lượng phản đế.

+ Phương pháp đấu tranh là, lãnh đạo quần chúng từng bước đi từ yêu cầu thiết thực hàng ngày dần dần tiến đến những yêu cầu chính trị cao hơn.

+ Những yêu cầu chung trước mắt:

*Thứ nhất*, đòi quyền tự do tổ chức, xuất bản, ngôn luận, đi lại trong và ngoài nước;

*Thứ hai*, bỏ luật hình đặc biệt đối với người bản xứ, trả tự do cho tù chính trị, giải tán hội đồng đề hình, bỏ ngay chính sách đàn áp;

*Thứ ba*, bỏ thuế thân, thuế ngụ cư, và các thuế vô lý khác

*Thứ tư*, bỏ các độc quyền về rượi, thuốc phiện và muối.

+ Đề ra những yêu cầu cụ thể riêng cho từng gai cấp, tầng lớp nhân dân;

+ Ra sức tuyên truyền, Mở rộng ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng, củng cố và phát triển các đoàn thể cách mạng, nhất là công hội và nông hội.

+ Dẫn dắt quần chúng đấu tranh cho những quyền lợi hàng ngày tiến lên đấu tranh chính trị, chuẩn bị cho khởi nghĩa dành chính quyền khi có điều kiện.

+ Về xây dựng Đảng, phải làm cho Đảng vững mạnh, có kỷ luật nghiêm, tăng cường giáo dục đảng viên về tư tưởng, chính trị và rèn luyện trong thức tiễn đấu tranh cách mạng.

Chương trình hành động của Đảng là sự cụ thể hóa cương lĩnh trong thời kỳ thoái trào, đã nhanh chóng khôi phục phong trào và tổ chức của Đảng

**Hiệu quả cụ thể của chương trình hành động:**

+ Các Xứ ủy Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ lần lượt được lập lại trong 2 năm 1931-1933; nhiều tỉnh ủy, huyện ủy, chi bộ lần lượt phục hồi; phong trào tiếp tục phát triển sâu rộng và toàn diện (kinh tế, chính trị, tư tưởng văn hóa, triết học và ngệ thuật).

+ Miền núi phía bắc, một số tổ chức Đảng được thành lập;

+ Ở Lào, 9-1934 Đảng bộ Lào được thành lập, một số cơ sở Đảng cũng ra đời ở Campuchia.

+ Ở Hồng Công, đồng chí Nguyễn Ái Quốc thoát khỏi nhà tù của đế quốc Anh (1 -1933), trở lại Liên Xô vào mùa xuân 1934.

+ Ban chỉ huy ngoài nước của Đảng được thành lập do đồng chí Lê Hồng Phong đứng đầu (đầu năm 1934) với nhiệm vụ: phục hồi, tập hợp các cơ sở Đảng thành hệ thống, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, lãnh đạo thực hiện chương trình 1932, chuẩn bị triệu tập Đại hội Đảng lần thứ nhất.

- **Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng**

(27-31/3/1935 tại Ma Cao, 13 đại biểu, đại diện 600 đảng viên, đồng chí Hà-Huy Tập chủ trì đại hội.

+ Đại hội thừa nhận *Luận cương chính trị* 10-1930 và *chương trình hành động của Đảng* 6-1932;

+ Kiểm điểm phong trào cách mạng và công tác tổ chức, lãnh đạo của các cấp bộ Đảng trong thời gian 1932-1935;

+ Đề ra 3 nhiệm vụ chủ yếu trước mắt:

*Một là*, củng cố và phát triển Đảng;

*Hai là*, đẩy mạnh cuộc vận động quần chúng, củng cố, phát triển các tổ chức quần chúng (chú ý phụ nữ, dân tộc ít người và binh lính), mở rộng ảnh hưởng của Đảng.

*Ba là*, mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh đế quốc, ủng hộ Liên Xô, ủng hộ cách mạng Trung quốc.

+ Thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, binh lính, các dân tộc thiểu số, về đội tự vệ, về cứu tế đỏ.

+ Đại hội bầu BCH Trung ương gồm 13 ủy viên (9 chính thức, 4 dự khuyết), đồng chí Lê Hồng Phong được bầu làm tổng bí thư.

**Đánh giá Đại hội I**

+ Đại hội I thành công đánh dấu thắng lợi của cuộc đấu tranh khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng vả các tổ chức cách mạng của quần chúng trong cả nước, chuẩn bị bước vào thời kỳ đấu tranh mới.

+ Chưa tổng kết được những bài học kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng từ khi thành lập;

+ Không nhậy cảm với thời cuộc trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới thứ hai;

+ Không đề ra được chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược kịp thời.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh *:"Chính sách của Đại hội Ma Cao vạch ra không sát với phong trào cách mạng thế giới và trong nước lúc bấy giờ"*

## 2. Trong những năm 1936 - 1939

### *a. Hoàn cảnh lịch sử*

- **Tình hình quốc tế**

- Cuộc khủng hoản kinh tế 1929-1933 và tác động của nó

- Chủ nghĩa phát xít đã xuất hiện và thắng thế ở một số nước, nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hòa bình và an ninh quốc tế.

- Đại hội VII Quốc tế cộng sản họp ở Matxcơva (7-1935)

(Đồng chí Đimitrốp chủ trì, đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương do đồng chí Lê Hồng Phong dẫn đầu tham dự đại hội và được bầu làm Uy viên BCH Quốc tế Cộng sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc lúc đó đang học ở trường Quốc tế Lênin được mời dự).

+ Đại hội xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của phong trào cách mạng thế giới là Chủ nghĩa Phát xít.

+ Nhiệm vụ trước mắt của giai cấp CN và nhân dân lao động thế giới là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ Liên Xô.

+ Để thực hiện nhiệm vụ cấp bách đó, các Đảng Cộng sản và nhân dân thế giới phải thống nhất, lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh, đòi tự do dân chủ, hòa bình và cải thiện đời sống

+ Đối với các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, cần lập mặt trận thống nhất chống đế quốc.

- **Tình hình trong nước**

- Cuộc khủng hoảng kinh tế tác động sâu sắc đến đời sống tất cả các giai cấp, tầng lớp lao động và cả tư sản, địa chụ vừa và nhỏ;

- Bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương vẫn ra sức vơ vét, bóc lột, bóp nghẹt mọi quyền tự do dân chủ, khủng bố, đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân;

- Các giai cấp và tầng lớp khác nhau đều căm thù thực dân, tư bản độc quyền Pháp, đều có nguyện vọng chung đòi quyền sống, quyền tự do, dân chủ , cơm áo và hòa bình;

- Hệ thống tổ chức của Đảng và cơ sở cách mạng của quần chúng đã được khôi phục.

### *b. Chủ trương và nhận thức mới của Đảng*

Quán triệt nghị quyết của Quốc tế Cộng sản, xuất phát từ tình hình trong nước, BCH Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp 4 lần (Sau đại hội lần thứ nhất, 8 Ủy viên TW bị bắt nên đồng chí Hà Huy Tập Trưởng ban chỉ huy ngoài nước kiêm Tổng bí thư chủ trì)

Hội nghị TW lần thứ hai tháng 7-1936; lần thứ ba tháng 3-1937; lần thứ tư tháng tháng 9-1937; lần thứ năm tháng 3-1938, đề ra những chủ trương mới về chính trị, tổ chức, hình thức đấu tranh cho phù hợp với tình hình cách mạng VN:

- Yêu cầu trước mắt là đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cải thiện đời sống;

- Kẻ thù trước mắt cần đánh đổ là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng;

- nhiệm vụ trước mắt là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình;

- Thành lập mặt trận nhân dân phản đế, sau này đổi tên thành *mặt trận dân chủ Đông Dương*.

- Đoàn kết quốc tế:

Đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản Pháp; ủng hộ mặt trận nhân dân Pháp, ủng hộ chính phủ của mặt trận nhân dân Pháp do Lêông Blum (lãnh tụ đảng Xã hội) làm thủ tướng tháng 4-1936.

- Về hình thức tổ chức và biện pháp đấu tranh:

+ Chuyển hướng từ bất hợp pháp và bí mật sang hợp pháp và công khai nhằm mở rộng quan hệ với quần chúng;

+ Tránh sa vào chủ nghĩa công khai, giữ vững nguyên tắc củng cố và tăng cường tổ chức hoạt động bí mật của Đảng, giữ vững quan hệ giữa hoạt động bí mật và công khai, bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức Đảng bí mật.

- Nhận thức mới về quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ:

+ Trong hoàn cảnh hiện thời thì có thể tập trung đánh đổ đế quốc, sau mới giải quyết vấn đề điền địa;

+ Tuy nhiên, vấn đề điền địa và phản đế cũng có khi phải giải quyết một cách liên tiếp, tùy tình hình cụ thể để tăng lực lượng cho việc thực hiện nhiệm vụ hàng đầu.

*(Đây là sự điều chỉnh phù hợp với tinh thần cương lĩnh đầu tiên, bước đầu khắc phục hạn chế của luận cương chính trị 10-1930).*

- Tháng 3-1939, Đảng công bố *"Tuyên ngôn của đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc"*

Kêu gọi các tầng lớp nhân dân thống nhất hành động trong việc đòi quyền tự do dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh đế quốc và họa phát xít đang đến gần.

- Tháng 7-1939, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ cho xuất bản cuốn *"Tự chỉ trích"* :

+ Phân tích những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng,

+ Tổng kết kinh nghiệm cuộc vận động dân chủ, khắc phục những lệch lạc sai lầm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng;

+ Phát triển lý luận về xây dựng mặt trận thống nhất.

Các nghị quyết của BCH TW thời kỳ 36-39 và thực tiễn phong trào Cách mạng đã chứng tỏ bước trưởng thành vượt bậc của Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức, thể hiện bản lĩnh và tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo của Đảng, mở ra một cao trào mới của cách mạng nước ta.

## II. CHỦ TRƯƠNG ĐẤU TRANH TỪ 1939 ĐẾN 1945

### 1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng

***a. Tình hình thế giới và trong nước***

*- Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ*

Ngày 1-9-1939, Phát xít Đức tấn công Ba Lan, hai ngày sau Anh và Pháp tuyên chiến với Đức, đế quốc Pháp lao vào vòng chiến;

Tháng 6 -1940, Đức tấn công Pháp, chính phủ Pháp đầu hàng;

Ngày 22-6-1941, sau khi thôn tính hầu hết tây Âu và đông Âu, phát xít Đức với 190 sư đoàn đã tấn công Liên Xô.

Ngày 8-12-1941, Nhật bất ngờ tấn công cảng Trân Châu ở quần đảo Haoai (Mỹ); đồng thời mở rộng chiếm đóng Trung Quốc và tiến xuống Đông Nam Á.

Tính chất của chiến tranh thế giới thứ hai đã bộc lộ rõ: từ cuộc chiến tranh đế quốc chuyển thành cuộc chiến tranh giữa hai phe dân chủ do Liên Xô là trụ cột và phe Phát xít do Đức cầm đầu.

**Tình hình trong nước**

Thực dân Pháp trắng trợn thi hành các chính sách thời chiến, tất cả các giai cấp và tầng lớp trong xã hội Việt Nam đều bị ảnh hưởng tai hại bởi chính sách phản động của đế quốc Pháp.

- Ngày 22-9-1940 Phát xít Nhật tiến vào Lạng Sơn, đổ bộ vào Hải Phòng, 23-9-1940,

- Chính phủ phản động Pháp thực hiện chính sách đàn áp trắng trợn các lực lượng Cộng sản và tiến bộ ở các nước thuộc địa, điên cuồng tiến công Đảng Cộng sản Đông Dương và các đoàn thể quần chúng của Đảng (đồng chí Lê Hồng Phong bị bắt cuối 9-1939);

- Thực tại Hà Nội Pháp ký hiệp định đầu hàng Nhật.

- Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với phát xít Nhật-Pháp trở nên gay gắt hơn bao giờ hết.

***b. Nội dung chỉ đạo chuyển hướng chiến lược của Đảng***

Từ khi chiến tranh bùng nổ, BCH TW đã có Hội nghị lần thứ VI (11-1939); Hội nhị lần thứ VII (11- 1940); Hội nghị VIII (5-1941).

Lưu ý: Ngày 28-1-1941, Nguyễn Ái Quốc với tên gọi Hồ Chí Minh từ TQ về nước, 8-2-1941, Bác Hồ về tới Pác Bó, Cao Bằng.

Từ 10-19/5/1941, Bác Hồ chủ trì Hội nghị BCH TW VIII tại PắcBó.

Trung ương quyết định chuyển hướng chiến lược như sau:

- *Một là*, đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu;
- *Hai là,* quyết định thành lập mặt trận Việt Minh, nhằm tập hợp lực lượng giải phóng dân tộc; đổi tên các doàn thể phản đế thành đoàn thể cứu quốc tập hợp mọi người dân yêu nước để cứu tổ quốc;
- *Ba là*, quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ hàng đầu; xây dựng lực lượng chính trị và vũ trang, xây dựng căn cứ địa cách mạng lấy vùng Vũ Nhai và Bắc Sơn làm trung tâm; đẩy mạnh xây dựng Đảng, gấp rút đào tạo cán bộ nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và cán bộ dân vận.

### *c. Ý nghĩa của chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược*

- Chủ trương chuyển hướng thực sự trở thành ngọn cờ dẫn đường cho toàn dân tộc tiến lên giành độc lập và tự do.

- Thư kêu gọi đồng bào cả nước của Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh:

*"Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy, chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước xôi lửa bỏng".*

Thực sự trở thành lời hiệu triệu đứng lên giành chính quyền của toàn dân tộc.

- Chủ trương đã nhanh chóng đi vào thực tiễn trên mọi lĩnh vực.

(25-10-1941 Mặt trận Việt Minh tuyên bố ra đời, công bố 10 chính sách vừa ích nước vừa lợi dân, được mọi tầng lớp nhiệt liệt hưởng ứng. Các khu căn cứ, các đội vũ trang thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân liên tiếp ra đời và phát triển).

***a. Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần***

- Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước

- Đầu năm 1945, chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, cả Đức và Nhật lâm vào tình trạng nguy khốn.

- Ở Đông Dương Nhật đảo chính Pháp (đêm 9-3-1945);

- Ngay đêm 9-3-1945, Thường vụ TW họp ở Đình Bảng, Bắc Ninh, Ngày 12-3-1945 Thường vụ TW ra chỉ thị *" Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"* nhận định:

+ Cuộc đảo chính của Nhật đã tạo ra cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi, tuy vậy đang có cơ hội tốt làm cho điều kiện khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi;

+ Sau đảo chính, phát xít Nhật trở thành kẻ thù chính, cụ thể, trước mắt của ta, phải thay ngay khẩu hiệu *"Đánh đuổi phát xít Nhật-Pháp"* bằng khẩu hiệu *"Đánh đuổi phát xit Nhật"*

+ Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa (tuyên truyền cổ động, biểu tình, tuần hành, bãi công chính trị, biểu tình phá kho thóc Nhật để cứu đói, đẩy mạnh xây dựng các đội tự vệ chiến đấu…)

+ Phương châm đấu tranh lúc này là phát động chiến tranh du kích, giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ;

+ Dự kiến những điều kiện để tổng khởi nghĩa;

+ Đảy mạnh khởi nghĩa từng phần giành chính quyền từng bộ phận.

Các chủ trương trên đã nhanh chóng được triển khai có hiệu quả trong thực tiễn:

15-4-1945, Thường vụ TW triệu tập hội nghị quan sự cách mạng Bắc kỳ tại Hiệp hòa, Bắc giang, xác định: tình thế đã đặt *nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ cần kíp;* quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang sẵn có thành Việt Nam Giải phóng quân, lập 7 chiến khu trong cả nước.

4-6-1945, khu giải phóng chính thức được thành lập (gồm Cao, Bắc, Lạng, hà, Tuyên, Thái và một số vùng lân cận thuộc bắc giang, Phú thọ, Yên bái, vĩnh yên.

Nạn đói đang hoành hành giết chết hơn 2 triệu người, Đảng kịp thời nêu khẩu hiệu *"phá kho thóc Nhật, giải quyết nạn đói"*

Chỉ trong thời gian ngắn Đảng đã động viên hàng triệu quần chúng tiến lên trận tuyến cách mạng.

***b. Chủ trương phát động tổng khởi nghĩa***

Ngày 2-5-1945, Hồng quân Liên Xô chiếm Beclin;

Ngày 9-5-1945 phát xít Đức đầu hàng không điều kiện;

Ở Châu Á, Phát xít Nhật đang đến gần chỗ thất bại hoàn toàn;

● **Ngày 13-15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, Tuyên Quang:**

- Quyết định tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay Nhật trước khi đồng minh vào Đông Dương;

- Quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội và đối ngoại trong tình hình mới;

- Quyết định lập ủy ban khởi nghĩa toàn quốc do đồng chí Trường Chinh phụ trách;

- Kiện toàn BCH TW.

● **Triển khai chủ trương:**

- 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh tổng khởi nghĩa;

- 16-8-1945, Cũng tại Tân trào, Đai hội quốc dân họp, tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng và 10 chính sách của Việt Minh, quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

- 19-8-1945, giành chính quyền ở Hà Nội;

- 23-8-1945, khởi nghĩa thắng lợi ở Huế;

- 25-8-1945, khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn.

15 ngày từ 14 đến 28/8/1945, cuộc tổng khởi nghĩa đã thành công trên toàn quốc, chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 2-9-1945, tại quảng trường Ba Đình Hà Nội, thay mặt chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với quốc dân đồng bào, với toàn thế giới: *nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa ra đời*

***c. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc cách mạng tháng tám***

- **Kết quả và ý nghĩa**

Tháng lợi của cách mạng tháng tám

- Đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp gần một thế kỷ, lật nhào chế độ quân chủ hàng mấy ngàn năm và ách thống trị của Phát xít Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông nam châu Á. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân của một nước độc lập, tự do, làm chủ vận mệnh của mình.

- Góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin, cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý báu cho phong trào giải phóng dân tộc và giành quyền dân chủ trên thế giới.

- Cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đứng lên chống đế quốc, giành độc lập tự do cho dân tộc mình.

Đánh giá ý nghĩa của Cách mạng Tháng Tám, chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: *"Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và các dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc"*

(Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.6, tr.159)

- **Nguyên nhân thắng lợi:**

- Cách mạng Tháng Tám nổ ra trong bối cảnh quốc tế thuận lợi

- Cách mạng Tháng Tám là kết quả tổng hợp của 15 năm đấu tranh gian khổ của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã được rèn luyện qua 3 cao trào cách mạng lớn (30-31, 36-39, 39-45). Quần chúng cách mạng được tổ chức , lãnh đạo và rèn luyện bằng thức tiễn đã trở thành lực lượng chính trị hùng hậu, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt.

- Do Đảng ta chuẩn bị được lực lượng vĩ đại của toàn dân đoàn kết trong mặt trận Việt Minh, dựa trên khối liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Đảng ta là người tổ chức và lãnh đạo cuộc cách mạng Tháng Tám, vì:

+ Có đường lối đúng;

+ Dày dạn kinh nghiệm đấu tranh;

+ Đoàn kết thống nhất;

+ Nắm đúng thời cơ, chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo, biết tạo nên sức mạnh tổng hợp để áp đảo kẻ thù;

+ Quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền.

▲ Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945.

- **Bài học kinh nghiệm:**

*Một là,* Dương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, Đảng ta xác định hai nhiệm vụ này không tách rời nhau. Tuy vậy, nhiệm vụ chống đế quốc là chủ yếu nhất, nhiệm vụ chống phong kiến phải phục tùng nhiệm vụ chống đế quốc và phải thực hiện từng bước với những khẩu hiệu cụ thể: giảm tô, giảm tức,…..cải cách ruộng đất. Khi chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, Đảng tập trung chĩa mũi nhọn của cách mạng vào để quốc, phát xít Nhật- Pháp và bè lũ tay sai nhằm tập trung giải quyết yêu cầu chủ yếu, cấp bách của cách mạng giải phóng dân tộc.

Thắng lợi của cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của của sự kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ, chống đế quốc và chống phong kiến.

*Hai là,* toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công nông

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi là nhờ cuộc đấu tranh yêu nước anh hùng của hơn 20 triệu người Việt nam. Nhưng cuộc nổi dậy của toàn dân chỉ có thể thực hiện được khi có đạo quân chủ lực là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Dựa trên đạo quân chủ lực làm nền tảng, Đảng xây dựng được khối đại đoàn kết dân tộc, động viên toàn dân Tổng khởi nghĩa thắng lợi.

*Ba là,* lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.

Đảng ta biết lợi dụng mâu thuẫn giữa các thế lực kẻ thù, tranh thủ hoặc trung lập hóa những phần tử lừng chừng, cô lập cao độ kẻ thù chính. Nhờ vậy, cách mạng Tháng Tám đã thắng lợi nhanh gọn, ít đổ máu.

*Bốn là,* kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết dùng bạo lực một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ.

Trong cách mạng Tháng Tám, bạo lực cách mạng là sự kết hợp giữa lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang; kết hợp nổi dậy của quần chúng với tiến công của lực lượng vũ trang ở cả nông thôn và thành thị, trong đó vai trò quyết định là tổng khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài gòn.

Cách mạng Tháng Tam là kết quả của sự kết hợp của tất cả các hình thức đấu tranh từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, từ một địa phương lan rộng ra cả nước, từ từng phần đến tổng khởi nghiã.

*Năm là,* nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ.

*Sáu là,* xây dựng một Đảng Mác-Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

- Đảng ta ngay từ đầu đã xác định đúng đường lối, chiến lược và sách lược cách mạng, đồng thời không ngừng bổ sung, phát triển trong từng thời kỳ. Điều đó đòi hỏi Đảng phải vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh cụ thể Việt nam, thường xuyên tổng kết kinh nghiệm thực tiến cách mạng.

- Đảng ta rất coi trọng việc quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng trong đảng viên và quần chúng cách mạng; Đảng chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo dục,rèn luyện cán bộ, đảng viên về ý chí bất khuất, phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, phát huy triệt để vai trò của Mặt trận Việt Minh với hàng triệu hội viên, thông qua Mặt trận để lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

---

# *CHƯƠNG III*

# ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)

## I. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

### 1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 – 1946)

***a/ Hoàn cảnh nước ta sau Cách mạng Tháng Tám***

***Thuận lợi:***

- Thế giới:

+ Hệ thống CHCN do Liên Xô đứng đầu hình thành;

+ Phong trào cách mạng giải phóng dân tộc có điều kiện phát triển thành một dòng thác cách mạng;

+ Phong trào dân chủ và hòa bình đang lên mạnh mẽ.

- Trong nước:

+ Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập từ trung ương xuống cơ sở, nhân dân làm chủ vận mệnh của mình;

+ Lực lượng vũ trang được tăng cường;

+ Toàn dân tin tưởng và ủng hộ Việt Minh, ủng hộ chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh là Chủ tịch.

**Khó khăn nghiêm trọng:**

- Hậu quả do chế độ cũ để lại: đói rét, dốt nát, nghèo nàn;
- Kinh nghiệm quản lý đất nước của cán bộ non kém;
- Nền độc lập của ta chưa được nước nào công nhận;
- Quân đội các nước đế quốc ồ ạt kéo vào chiếm đóng nước ta dưới danh nghĩa đồng minh, khuyến khích bọn việt gian chống phá cách mạng, nhằm xóa bỏ chính quyền non trẻ, chia cắt nước ta;
- Nghiêm trọng nhất là Anh, Pháp đồng lõa với nhau, nổ súng chiếm Sài Gòn, hòng tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.

**Khái quát**: *"Giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm"* là hiểm họa đối với chế độ mới, vận mệnh dân tộc như *"ngàn cân treo sợi tóc"*.

***b/ Chủ trương kháng chiến kiến quốc của Đảng***

**- Chỉ thị *"kháng chiến kiến quốc"*** của TW Đảng (ngày 25-11-1945)

+ Về chỉ đạo chiến lược, Đảng xác định mục tiêu của cách mạng phải nêu cao lúc này vẫn là *Dân tộc giải phóng*, khẩu hiệu là *"Dân tộc trên hết. Tổ quốc trên hết"*, nhưng không phải là giành độc lập mà là giữ độc lập.

+ Về xác định kẻ thù,

*"kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng".*

Phải *"lập mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược"; mặt trận "Việt-Miên-Lào"*

+ Về phương hướng, nhiệm vụ, thực hiện 4 nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách:

*"Củng cố chính quyền; chống thực dân Pháp xâm lược; bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân";*

+ Kiên trì nguyên tắc thêm bạn bớt thù: thực hiện khẩu hiệu: *"Hoa – Việt thân thiện" đối với Tưởng Giới Thạch*, *"Độc lập về chính trị nhân nhượng về kinh tế" đối với Pháp*.

- **Ý nghĩa quan trọng của chỉ thị** *"kháng chiến kiến quốc"* :

+ Chỉ thị xác định đúng kẻ thù chính

+ kịp thời Chỉ ra những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng:

Vạch ra hai nhiệm vụ mới sau cách mạng Tháng Tám: xây dựng đất nước đi đôi với bảo về tổ quốc.

Chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể về đối nội, đối ngoại: khắc phục nạn đói, diệt giặc dốt, chống thù trong giặc ngoài, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Chủ trương trên đã được Đảng tập trung chỉ đạo trên thực tế với tinh thần kiên quyết, khẩn trương, linh hoạt và sáng tạo, đặc biệt trong giai đoạn 9-1945 đến 12-1946.

***c/ Kết quả, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm***

Cuộc đấu tranh thực hiện chủ trương *kháng chiến kiến quốc* của Đảng giai đoạn 1945-1946 diễn ra rất gay go, quyết liệt trên mọi lĩnh vực và đã đạt những kết quả hết sức to lớn.

*- Về chính trị-xã hội:*

Đã xây dựng được nền móng cho một chế độ mới – chế độ dân chủ nhân dân, với đầy đủ các yếu tố cấu thành:

Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp do phổ thông đầu phiếu bầu ra;

Hiến pháp dân chủ nhân dân được Quốc hội thông qua;

Bộ máy chính quyền từ TW đến cơ sở được thành lập;

Các cơ quan tư pháp: Tòa án, kiểm sát hình thành;

Các cơ quan và lực lượng chuyên chính: Vệ quốc đoàn, Công an;

Các đoàn thể quần chúng: Mặt trận Việt minh và Hội liên hiệp quốc dân, Tổng công đoàn, Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên;

Các đảng phái chính trị được thành lập: đảng Dân chủ, đảng Xã hội Việt Nam.

*- Về kinh tế, văn hóa:*

+ Tăng gia sản xuất, cứu đói, xóa bỏ các thứ thuế vô lý, giảm tô 25%, cuối năm 1945 nạn đói cơ bản được đẩy lùi, sản xuất được phục hồi, năm 1946 đời sống nhân dân được ổn định và cải thiện. Xây dựng ngân quỹ quốc gia: phát hành giấy bạc "Cụ Hồ" (11-1946).

+ Mở lại các trường lớp, khai giảng năm học mới;

Phát động phong trào xây dựng nền văn hóa mới, bài trừ hủ tục, phong trào bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ: (12-1946: 2,5 triệu người biết độc biết viết)

- *Về bảo vệ chính quyền cách mạng*:

+ Ở miền Nam, Đảng lãnh đạo toàn dân đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; phát động phong trào nam tiến chi viện cho chiến trường Nam bộ.

+ Ở miền Bắc, bằng chủ trương lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, thực hiện sách lược nhân nhượng với quân đội Tưởng và tay sai để giữ vững chính quyền.

+ Khi Pháp – Tưởng ký hiệp ước Trùng-Khánh (28-2-1946), thỏa thuận, mua bán quyền lợi với nhau, cho Pháp kéo quân ra Bắc, Đảng mau lẹ chỉ đạo Chính phủ chọn giải pháp hòa hoãn, dàn xếp với Pháp để đuổi quân Tưởng về nước. (9-1946 quân Tưởng rút)

- Tiến hành nhiều cuộc đàm phán: Hiệp định sơ bộ 6-3-1946; đàm phán ở Đà Lạt, ở Phôngtennơbờlô (Pháp), tạm ước 14-9-1946, để quân dân ta có thêm thời gian chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới.

***Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm***

1/ Phát huy quyền làm chủ đất nước của nhân dân, vượt qua tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" và giữ vững chính quyền nhân dân,

2/ Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, chĩa mũi nhọn cách mạng vào kẻ thù chính, hòa hoãn với kẻ thù có thể hòa hoãn.

3/ Tận dụng khả năng hòa hoãn để xây dựng lực lượng, củng cố chính quyền nhân dân, sẵn sàng ứng phó với khả năng chiến tranh lan ra cả nước.

## 2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946 – 1954)

***a/ Hoàn cảnh lịch sử***

11-1946 Pháp mở cuộc tân công chiếm đóng cả thành phố Hải Phòng, thị xã Lạng Sơn, đổ bộ lên Đà Nẵng;

Khiêu khích, tàn sát đồng bào ta ở Hà Nội.

Gửi tối hậu thư đòi Chính phủ ta tước vũ khí của tự vệ Hà Nội,để chúng toàn quyền kiểm soát trật tự an ninh ở thủ đô Hà Nội.

Ngày 19-12-1946, Thường vụ TW Đảng họp mở rộng ở làng Vạn Phúc (Hà Đông) để hoạch định chủ trương đối phó:

Hội nghị cử phái viên đi gặp phía Pháp để đàm phán, nhưng không thành.

Hội nghị nhận định khả năng hòa hoãn không còn, nếu tiếp tục hòa hoãn sẽ mất nước.

Hội nghị quyết định hạ quyết tâm phát động cuộc kháng chiến toàn quốc, chủ động tấn công trước khi thực dân Pháp thực hiện âm mưu đảo chính quân sự ở Hà Nội.

Mệnh lệnh kháng chiến được phát đi, 20h đêm 19-12-1946, tất cả các chiến trường trên cả nước đồng loạt nổ súng

Rạng sáng ngày 20-12-1946, *lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát đi trên đài phát thanh tiếng nói Việt Nam.

Bước vào cuộc kháng chiến, chúng ta

*có thuận lợi gì*:

- Chúng ta có chính nghĩa;
- Có "*thiên thời, địa lợi, nhân hòa";*
- Có sự chuẩn bị chủ động từ trước;
- Thực dân Pháp có nhiều bất lợi về chính trị, kinh tế, quân sự ở Đông Dương, không dễ khắc phục.

*Có khó khăn gì:*

- Tương quan lực lược quân sự, ta yếu hơn địch;
- Ta bị bao vây bốn phía, chưa được nước nào công nhận, giúp đỡ;
- Quân Pháp có vũ khí tối tân, đã chiếm đóng được Lào và Cam Pu Chia và một số vùng ở Nam Bộ, đã đứng chân trong các thành thị lớn ở miền Bắc.

## *b/ Quá trình hình thành và nội dung đường lối kháng chiến*

**Lưu ý**: Đường lối kháng chiến được hình thành, bổ sung, hoàn chỉnh trong thực tiễn. Thể hiện:

• Chỉ thị "*về kháng chiến kiến quốc*" (ngay sau khi cách mạng thành công):

+ Đã xác định rõ kẻ thù trước mắt nguy hiểm nhất là đế quốc Pháp;

+ Chỉ đạo kháng chiến Nam Bộ: kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao làm thất bại âm mưu tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam;

• Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ nhất ngày 19-10-1946: Nhận định: *"Không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng phải nhất định phải đánh Pháp."*

Đề ra những chủ trương biện pháp cụ thể về tư tưởng, tổ chức chuẩn bị cho quân dân sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới.

• Chỉ thị *"Công việc khẩn cấp bây giờ"* (15-11-1946)

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch rõ những công việc có tầm chiến lược, toàn cục khi bước vào cuộc kháng chiến; khẳng định lòng tin vào thắng lợi cuối cùng.

• Đường lối toàn quốc kháng chiến được hoàn chỉnh và thể hiện ở 3 văn kiện lớn soạn và công bố trước và sau khi cuộc kháng chiến bùng nổ sau đây:

1/ "*Toàn dân kháng chiến"* của TW Đảng (12-12-1946)

2/ "*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*" của Chủ tịch Hồ Chí Minh(19-12-1946);

3/ "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của Trường Chinh.

**Khái quát nội dung của đường lối kháng chiến:**

- *Mục đích kháng chiến:*

Kế tục và phát triển sự nghiệp cách mạng Tháng Tám, *"Đánh phản động thực dân Pháp xâm lược; Giành thống nhất và độc lập*"

- *Tính chất cuộc kháng chiến:*

- *Chương trình và nhiệm vụ kháng chiến:*

+ Thực hiện nhất trí về chủ trương toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, trường kỳ kháng chiến;

+ Giành độc lập, bảo toàn lãnh thổ, thống nhất Trung, Nam, Bắc;

+ Củng cố chế độ cộng hòa dân chủ;

+ Tăng gia sản xuất, thực hiện kinh tế tự túc.

- *Phương châm kháng chiến*:

Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

- Văn kiện còn giải thích và hướng dẫn thực hiện cụ thể từng nội dung:

+ *Kháng chiến toàn dân?*

*"Bất kỳ đàn ông đàn bà không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc,bất kỳ người già, người trẻ. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp".* Thực hiện mỗi người dân là một chiến sỹ, mỗi làng xóm là một pháo đài.

+ *Kháng chiến toàn diện ?*

Đánh địch về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao.

+ *Kháng chiến lâu dài ?*

Chống âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp.

Phát huy thế mạnh của ta, từng bước chuyển dần tương quan lực lượng từ yếu đến mạnh.

+ *Dựa vào sức mình là chính* ?

Tự lực cánh sinh, tự cấp tự túc.

- ***Chỉ đạo thực hiện:***

Từ 1947-1950:

+ Giam chân địch ở các đô thị;

+ Củng cố các vùng tự do lớn;

+ Đánh bại cuộc hành quân lớn của địch lên Việt bắc (1947);

+ Đẩy mạnh xây dựng hậu phương;

+ Chống thủ đoạn "*lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt"* của địch.

+ Đánh bại địch ở chiến dịch biên giới cuối năm 1950, giành quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ, nối liền Việt Nam với hệ thống XHCN thế giới.

Từ năm 1951:

Tình hình thế giới và Đông Dương có những chuyển biến mới:

+ Việt Nam được các nước XHCN công nhận và Đặt quan hệ ngoại giao.

+ Đế quốc Mỹ can thiệp trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương.

## Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai họp tại (2-1951)

Thảo luận và tán thành:

- Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày, ra nghị quyết: tách Đảng Cộng Sản Đông Dương thành 3 Đảng độc lập lãnh đạo cuộc kháng chiến của 3 dân tộc; Đảng Cộng sản ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng Lao Động Việt Nam.
- Báo cáo *"Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới CNXH"* do đồng chí Trường Chinh trình bày: phát triển đường lối cách mạng của đảng trong cương lĩnh chính trị trước đây thành *Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*

Nội dung cơ bản là:

+ *Về tính chất xã hội:*

Có 3 tính chất: dân chủ nhân dân; một phần thuộc địa và nửa phong kiến;

Mâu thuẫn chủ yếu là, mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân và tính chất thuộc địa. Mâu thuẫn này đang được giải quyết trong quá trình kháng chiến của dân tộc VN chống thực dân Pháp và bọn can thiệp.

- *Đối tượng cách mạng:*

+ đối tượng chính: đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ;

+ Đối tượng phụ là bọn phong kiến phản động.

- *Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng:*

+ Đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất;

+ Xóa bỏ những di tích phong kiến, người cầy có ruộng;

+ Phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tạo cơ sở cho CNXH,

Trong đó *nhiệm vụ chính trước mắt* là hoàn thành giải phóng dân tộc. Phải tập trung vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

- *Động lực của cách mạng:*

gồm: *" công nhân, nông dân, tiểu tư sản trí trức và tư sản dân tộc; ngoài ra là Thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những giai cấp, tầng lớp và phần tử đó họp thành nhân dân. Nền tảng của nhân dân là công, nông và lao động trí thức"*

- *Đặc điểm cách mạng hiện nay:*

*"Cách mạng việt nam là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cách mạng đó không phải là cách mạng dân chủ tư sản lối cũ; không phải là cách mạng XHCN, mà là cách mạng dân chủ tư sản lối mới tiến triển thành cách mạng XHCN"*

- *Triển vọng của cách mạng:*

*"Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam nhất định sẽ đưa Việt Nam tiến tới chủ nghĩa xã hội"*

- *Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội:*

Đó là con đường đấu tranh lâu dài đại thể qua 3 giai đoạn:

+ giai đoạn thứ nhất: chủ yếu hoàn thành giải phóng dân tộc;

+ giai đoạn thứ hai: chủ yếu xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện người cày có ruộng; phát triển kỹ nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân;

+ giai đoạn thứ ba: nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghjiax xã hội…

- *Giai cấp lãnh đạo và mục tiêu cuả Đảng*

+ Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân,

(Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam);

+ Mục đích của Đảng là phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc ở Việt Nam.

- *Chính sách của Đảng*: có 15 chính sách gồm:

kháng chiến, chính quyền nhân dân, Mặt trận dân tộc thống nhất, quân đội, kinh tế tài chính, cải cách ruộng đất, văn hóa giáo dục, đối với tôn giáo, chính sách dân tộc, đối với vùng tạm bị chiếm, ngoại giao, đối với Miên, Lào, đối với ngoại kiều, đấu tranh cho hòa bình và dân chủ thế giới, thi đua ái quốc.

- *Quan hệ quốc tế:*

Đứng về phe hòa bình dân chủ, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước XHCN và nhân dân thế giới; của Liên Xô; Trung Quốc, thực hiện đoàn kết Việt-Trung-Xô và Việt-Miên-Lào.

**Đường lối, chính sách của Đảng còn được bổ sung qua các hội nghị TW tiếp theo:**

+ Hội nghị TW lần thứ nhất (tháng 3-1951)

Hội nghị phân tích tình hình thế giới và trong nước, nhấn mạnh phải tăng cường công tác chỉ đạo chiến tranh:

*"Củng cố và tăng cường quân chủ lực, củng cố quân đội địa phương và dân quân du kích"; "gia cường việc lãnh đạo kinh tế tài chính"; "Thực hiện việc khuyến khích, giúp đỡ tư sản dân tộc kinh doanh và gọi vốn của tư nhân để phát triển công thương nghiệp"*

+ Hội nghị TW lần thứ hai (10-1951)

Nghị quyết nêu ba nhiệm vụ lớn để đẩy mạnh cuộc kháng chiến:

*"ra sức tiêu diệt sinh lực địch tiến tới giành ưu thế quân sự",*

*"đẩy mạnh kháng chiến ở vùng tạm bị chiếm";*

*"Củng cố sức kháng chiến của toàn quốc, toàn dân, củng cố và phát triển đoàn kết"*

+ Hội nghị TW lần thứ ba *(4-1952)*

Chủ trương chỉnh Đảng, chỉnh quân.

+ Hội nghị TW lần thứ tư (1-1953)

Chủ trương triệt để giảm tô, chuẩn bị cải cách ruộng đất. Muốn kháng chiến hoàn toàn thắng lợi, phải thiết thực nâng cao quyền lợi kinh tế Và chính trị cho nông dân, phải chia ruộng đất cho nông dân.

+ Hội nghị TW lần thứ năm (11-1953)

Quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô, tiến hành cải cách ruộng đất trong kháng chiến. *"cải cách ruộng đất để bảo đảm cho kháng chiến thắng lợi".*

*"Ciải cách ruộng đất là chính sách chung của cả nước, nhưng phải làm từng bước, tùy điều kiện, nơi thì làm trước nơi thì làm sau"*

*"Cải cách ruộng đất là một cuộc cách mạng nông dân, một cuộc giai cấp đấu tranh ở nông thôn, rất rộng lớn, gay go và phức tạp. Cho nên phải chuẩn bị thật đầy đủ, kế hoạch phải thật rõ ràng, lãnh đạo phải thật chặt chẽ"*

**3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm:**

***a/ Kết quả và ý nghĩa lịch sử***

- **Kết quả:**

***Về chính trị:***

Đảng ra hoạt động công khai, có điều kiện kiện toàn tổ chức, tăng cường lãnh đạo;

Bộ máy chính quyền các cấp được củng cố;

Mặt trận Liên Việt được thành lập, khối đoàn kết toàn dân được tăng cường

***Về quân sự:***

- Đến cuối 1952: có 6 đại đoàn bộ binh, 1 đại đoàn công binh và pháo binh. Riêng bộ đội tập trung cuối năm 1953 lên đến 33 vạn.

- Thắng lợi trên nhiều chiến dịch: Trung du, đường 18, Hà Nam Ninh, Hòa Bình, Tây bắc, Thượng Lào, vv . Đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai và dân cư, mở rộng vùng giải phóng của Việt Nam và giúp đỡ cách mạng Lào. Đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7-5-1954), báo hiệu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới.

***Về ngoại giao*:**

Nắm được ý định đàm phán của địch, Ban Bí Thư ra thông tư nêu rõ: *"Lập trường của nhân dân Việt Nam là kiên quyết kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Song nhân dân và Chính phủ ta cũng tán thành thương lượng nhằm giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam"*

Ngày 8-5-1954, hội nghị quốc tế chấm dứt chiến tranh Đông Dương khai mạc tại Giơ ne vơ (Thụy Sỹ).

Ngày 21-7-1954, Các văn bản của hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết, cuộc kháng chiến chống thực dân xâm lược Pháp của nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi.

- **Về ý nghĩa:**

- Đối với nước ta, đường lối kháng chiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân,

+ Đã làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp được Mỹ giúp sức, buộc chúng phải công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Đông Dương;

+ Đã làm thất bại âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ;

+ Giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện cho miền Bắc tiến lên CNXH, làm căn cứ địa hậu thuẫn cho cuộc chiến tranh ở miền Nam

- Đối với quốc tế:

+ Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới;

+ Mở rộng địa bàn tăng thêm lực lượng cho CNXH và cách mạng thế giới.

+ Đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân ở ba nước Đông Dương, mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn thế giới, trước hết là hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp.

***b/ Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm:***

- ***Nguyên nhân thắng lợi:***

- Có sự lãnh đạo vững vàng của Đảng với đường lối kháng chiến đúng đắn;

- Có lực lượng vũ trang gồm 3 thứ quân do Đảng trực tiếp lãnh đạo ngày càng vững mạnh, mưu lược, tài trí là lực lượng quyết định tiêu diệt địch trên chiến trường;

- Có chính quyền dân chủ nhân dân được giữ vững, củng cố và lớn mạnh là công cụ sắc bén để tổ chức thực hiện đường lối;

- Có sự liên minh, đoàn kết keo sơn 3 dân tộc Việt-Miên-Lào, có sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN, các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới kể cả nhân dân tiến bộ Pháp.

- ***Bài học kinh nghiệm:***

- **Thứ nhất,** Đề ra đường lối đúng đắn, quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thực hiện, đó là đường lối chiến tranh nhân dân, kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính;

- **Thứ hai**, Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, trong đó tập trung nhiệm vụ hàng đầu chống đế quốc, bảo vệ chính quyền cách mạng;

- **Thứ ba**, Thực hiện phương châm vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương vững mạnh;

- **Thứ tư**, Quán triệt tư tưởng chiến lược kháng chiến gian khổ, lâu dài, đồng thời tích cực chủ động về phương thức tiến hành chiến tranh, nghệ thuật quân sự sáng tạo, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao, đưa kháng chiến đến thắng lợi;

- **Thứ năm**, Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh.

## II. ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (1954 - 1975)

### 1. Giai đoạn 1954 – 1964

***a/ Bối cảnh lịch sử của CM Việt Nam sau tháng 7-1954***

- **Thuận lợi:**

- Hệ thống XHCN tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật nhất là Liên Xô;

- Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển mạnh ở châu Á châu Phi và châu Mỹ la tinh;

- Phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước TBCN;

- Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng là căn cứ địa vững chắc cho cả nước;

- Thế và lực của cách mạng đã lớn mạnh hơn sau 9 năm kháng chiến, có ý chí thống nhất và độc lập của nhân dân cả nước.

- **Khó khăn:**

- Đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế và quân sự lớn mạnh, có âm mưu làm bá chủ thế giới với chiến lược toàn cầu phản cách mạng;

- Thế giới bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang giữa hai phe;

- Xuất hiện sự bất đồng trong hệ thống XHCN nhất là Liên Xô và Trung Quốc;

- Nước ta bị chia làm hai miền, kinh tế miền Bắc nghèo nàn, lạc hậu, Miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ, Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta;

- Đảng ta phải lãnh đạo hai cuộc cách mạng khác nhau, ở hai miền đất nước có chế độ chính trị khác nhau, là đặc điểm lớn nhất của cách mạng Việt Nam.

***b. Quá trình hình thành, nội dung và ý ngĩa của đường lối***

**Thời kỳ 1954-1960**

- **Tình hình cụ thể:**

- Mỹ thẳng tay hất cẳng Pháp, độc chiếm miền Nam:

8-8-1954, Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ do tổng thống Aixenhao chủ trì ra quyết định NSC 5429/2, nội dung: Pháp phải nhanh chóng rút quân và phải ủng hộ Ngô Đình Diệm; Mỹ trực tiếp viện trợ cho ngụy quyền Sài Gòn không qua Pháp; loại bỏ Bảo Đại – tay sai lâu đời của Pháp.

- Thành lập ngụy quyền Sài Gòn:

7-7-1954, một nội các bù nhìn tay sai Mỹ được chính thức thành lập do Ngô Đình Diệm làm thủ tướng kiêm tổng trưởng quốc phòng.

17-7-1955, Diệm tuyên bố không có hiệp thương tổng tuyển cử;

23-10-1955, Diệm tổ chức "chưng cầu dân ý" phế chuất Bảo Đại, chính thức lên làm tổng thống.

- Hệ thống cố vấn Mỹ được cài cắm từ trung ương xuống cơ sở;

- Mỹ - Ngụy thực thi các biện pháp đàn áp cách mạng: hành quân càn quét, chiến dịch *"tố cộng"* với khẩu hiệu *"đạp lên oán thù, thà giết lầm còn hơn bỏ sót"*, "*dĩ Đảng trị Đảng, dĩ dân trị dân"*. Đến cuối năm 1955 hàng trăn ngàn cán bộ, đảng viên, quần chúng yêu nước bị giết hại.

- Lực lượng cách mạng miền Nam tạm thời ở thế giữ gìn lực lượng, các tổ chức Đảng, tổ chức cách mạng phải rút vào bí mật.

• Chuyển hướng chiến lược của Đảng

- Hội nghị lần thứ VI BCH TW khóa II (15-17/7/1954) tại Việt Bắc do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì: có hai bản báo cáo quan trọng,

Bản thứ nhất: "*tình hình mới và nhiệm vụ mới"* do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bầy, khẳng định:

Đế quốc Mỹ âm mưu kéo dài chiến tranh Đông Dương, phá hoại hiệp định Giơnevơ tìm cách hất cẳng Pháp độc chiếm Việt Nam, Lào và Căm Pu Chia, biến 3 nước thành nô lệ của Mỹ, cho nên,

*"mọi việc của ta đều phải nhằm chống đế quốc Mỹ. Bất kỳ người nào, nước nào không thân Mỹ đều có thể làm mặt trận thống nhất (dù là tạm thời) với ta".*

Báo cáo nêu ba nhiệm vụ chính:

1. Tranh thủ củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc.

2. Tăng cường lực lượng quân đội nhân dân, xây dựng một đội quân nhân dân mạnh mẽ và thích hợp với yêu cầu của tình hình mới.

3. Tiếp tục thực hiện người cày có ruộng; ra sức phục hồi sản xuất, chuẩn bị điều kiện kiến thiết nước nhà.

Bản báo cáo thứ hai do đồng chí Trường Chinh trình bầy:

*"Để hoàn thành nhiệm vụ và đẩy mạnh công tác trước mắt"*

Hội nghị đã thảo luận và nhất trí với chủ trương chuyển hướng chiến lược trong tình hình mới đã nêu trong hai bản báo cáo trên.

- Hội nghị lần thứ VII (3-1955), lần thứ VIII (8-1955): khẳng định: Mỹ và tay sai công khai chống lại hiệp định Giơnevơ, muốn chông Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ, điều cốt yếu là ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

1-1956, đồng chí Lê Duẩn Ủy viên Bộ chính trị, bí thư xứ ủy Nam bộ đã dự thảo *Đề cương cách mạng miền Nam.* Đề cương được thảo luận kỹ tại hội nghị Xứ ủy Nam Bộ họp tại Phnôm Pênh cuối năm 1956 đầu năm 1957, rút ra kết luận:

*Chính sách của Mỹ Diệm buộc nhân dân ta ở miền Nam phải vùng dậy đập tan chế độ Mỹ Diệm để cứu nước, cứu mình. Ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác,*

- Hội nghị TW lần thứ XV (1-1959)

Hội nghị chuyên đề bàn về cách mạng miền Nam đã ra nghị quyết:

Xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là *"Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam".*

*"Con đường cơ bản để giải phóng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân".*

Đó là con đường: *"lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân".*

Nghị quyết không loại trừ hoàn toàn khả năng hòa bình phát triển của cách mạng. *" khả năng đó hiện nay rất ít, song Đảng ta không gạt bỏ khả năng đó, mà cần ra sức tranh thủ khả năng đó"*

Nghị quyết XV có ý nghĩa lịch sử to lớn: mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên; thể hiện rõ bản lĩnh độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong thời gian khó khăn của cách mạng.

**- Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng** (5-10/9/1960) tại Hà Nội.

Đại hội đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, bao gồm:

+ Nhiệm vụ chung (hai nhiệm vụ chiến lược)

*Một là,* tiến hành cách mạng XHCN ở miền Bắc;

*Hai là*, Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Mỗi nhiệm vụ nhằm giải quyết một yêu cầu cụ thể của mỗi miền, nhưng hai nhiệm vụ đó lại nhằm giải quyết mâu thuẫn chung của cả nước giữa nhân dân ta và đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng, thực hiện mục tiêu chung trước mắt là hòa bình thống nhất tổ quốc.

+ Mối quan hệ của cách mạng hai miền

Vai trò, nhiệm vụ mỗi miền:

Cách mạng ở miềm Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với cả nước;

Cách mạng ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

+ Triển vọng của cách mạng Việt Nam

Là qúa trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp, lâu dài, nhưng thắng lợi nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam Bắc xum họp một nhà, cả nước sẽ đi lên CNXH.

**ý nghĩa của đường lối cách mạng do Đại hội III vạch ra**

+ Đường lối thể hiện tư tưởng chiến lược của Đảng là giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH.

Đường lối đó vừa phù hợp với miền Bắc, phù hợp với miền Nam, phù hợp với cả nước, phù hợp với tình hình quốc tế.

Bởi vậy, đã kết hợp được sức mạnh của cả hậu phương và tiền tuyến, sức mạnh của cả nước, sức mạnh của cả ba dòng thác cách mạng của thời đại;

+ Đường lối đó thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong việc quyết định những vấn đề không có tiền lệ lịch sử, vừa đúng với hoàn cảnh VN, vừa phù hợp với lợi ích nhân loại và xu thế của thời đại.

+ Đường lối đó là ngọn đuốc chỉ đường cho nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi từng bước, tiến tới thắng lợi cuối cùng.

- **Kết quả triển khai thực hiện đường lối**

- Thành lập đơn vị vận tải dọc Trường Sơn (đoàn 559)

---------- vượt biển Đông ( đoàn 759);

- Đảng bộ Nam Bộ và đảng bộ Liên khu V quán triệt nghị quyết XV xuống tận cơ sở quần chúng cách mạng;

- Phong trào "đồng khởi" (khởi nghĩa từng phần) bắt đầu.

+ ở nông thôn, tất cả các tỉnh đồng loạt nổi dậy diệt ác phá kìm, phá ấp chiến lược.

Tính đến cuối năm 1960, cao trào đồng khởi của nhân dân miền Nam đã căn bản làm tan rã cơ cấu chính quyền địch ở đại bộ phận cơ sở. Thế trận của địch trên toàn miền Nam bị đảo lộn.

+ ở thành thị, phong trào đấu tranh chính trị cũng lên cao. (chỉ trong năm 1960, hơn 10 triệu lượt người đã tham gia đấu tranh chính trị).

- Phong trào đồng khởi đã làm rung chuyển chính quyền Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn. Thông điệp đầu năm 1960, Aixenhao hô hào tăng cương quân đội Việt Nam cộng hòa để cầm chân đối phương, chờ chi viện của SEATO.

- Chính quyền Ngụy khủng hoảng nghiêm trọng. 11-1960, Đảo chính quân sự của *Nguyễn Chánh Thi* tuy thất bại nhưng khủng hoảng nội bộ ngụy quyền diễn ra triền miên dẫn đến hàng loạt cuộc đảo chính, ly khai, "thay ngựa giữa dòng" của Mỹ.

- 20-12-1960, tại xã Tân Lập, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

- Cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng đã chuyển sang thế tiến công, giáng đòn bất ngờ vào chiến lược Aixenhao, đẩy chính quyền Mỹ vào thế bế tắc. Cuộc "chiến tranh đơn phương" của Mỹ - Ngụy hoàn toàn thất bại, mở ra bước ngoạt cho cách mạng miền Nam.

## Giai đoạn 1961-1964

- **Chiến lược chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ.**

- Bối cảnh tình hình

+ thế giới:

Cả ba dòng thác cách mạng của thế giới đều là chỗ dựa vững chắc của cách mạng Việt Nam, đồng thời tấn công vào chính sách phản động gây chiến của đế quốc Mỹ.

Đầu năm 1961, tổng thống Mỹ G. Kennơđi buộc phải thay đổi chiến lược toàn cầu từ *"trả đũa ồ ạt"* sang *"phản ứng linh hoạt"* với ba loại hình chiến tranh: Đặc biệt, cục bộ và chiến tranh tổng lực.

+ Trong nước:

Đế quốc Mỹ chuyển từ *"chiến tranh đơn phương"* sang *"chiến tranh đặc biệt"* với mục tiêu: dập tắt phong trào đồng khởi, bình định Miền Nam trong 18 tháng bằng lực lượng quân ngụy do Mỹ chỉ huy và cố vấn, sử dụng chiến thuật cơ động bằng máy bay trực thăng và thiết giáp, lập lại hệ thống ấp chiến lược, khi cần sẽ ném bom miền Bắc.

- **Chuyển hướng chỉ đạo của đảng**

- Tháng 1-1961, Bộ chính trị chủ trương chuyển từ khởi nghĩa sang chiến tranh cách mạng.

- Thành lập Trung ương cục miền Nam thay cho Xứ ủy Nam Bộ (Khu V và Trị Thiên vẫn trực thuộc TW).

- 31-1-1961, Bộ Chính trị ra chỉ thị về phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam

Nhấn mạnh: tăng cường đấu tranh vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị; nhanh chóng xây dựng cả hai lực lượng chính trị và quân sự.

- Tháng 2-1961, Bộ Chính trị ra nghị quyết về nhiệm vụ quân sự . Nghị quyết nêu yêu cầu phải kiềm chế Mỹ và thắng Mỹ ở miền Nam. Chuẩn bị sẵn sàng đối phó âm mưu và hành động mở rộng chiến tranh của địch. Kiện toàn bộ máy chỉ đạo quân sự của Đảng.

- Tháng 9-1961, Bộ Chính trị thông qua đề án: tăng cương 30.000 – 40.000 cán bộ, chiến sỹ đã được huấn luyện chính quy và phương tiện cơ giới cho đoàn vận tải 559 đường Trường Sơn.

- **Kết quả thực hiện chủ trương**

- 15-2-1962, các lực lượng vũ trang miền Nam được thống nhất với tên gọi *"Quân giải phóng miền Nam Việt Nam"* gồm 3 thứ quân: chủ lực, địa phương, dân quân du kích

- Cuộc kháng chiến ở miền Nam giành nhiều thắng lợi lớn mở đầu là trận Ấp Bắc (Mỹ Tho), phối hợp hai lực lượng chính trị và vũ trang đánh bại cuộc hành quân càn quét lớn của Mỹ - ngụy.

Chiến thắng Ấp Bắc (2-1-1963) mở ra khả năng đánh bại các chiến thuật cơ động bằng trực thăng và thiết giáp của địch. Trung ương cục phát động phong trào *"Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công"*. Hàng ngàn ấp chiến lược được chuyển thành làng chiến đấu.

- Ngày 1-11-1963 Mỹ tổ chức đảo chính giết Diệm Nhu. Kế hoạch Xtalây- Taylo bị phá sản.

- Đầu năm 1964 Kennơđi bị ám sát, Giôn sơn lên làm tổng thống chủ trương mở rộng chiến tranh đặc biệt, ném bom Miền Bắc, ép miền Bắc ngừng chi viện cho miền nam.

- Ngày 5-8-1964 quân ta đánh thắng trận đầu cuộc tập kích bằng máy bay của Mỹ trên miền Bắc. Bắn rơi 8 máy bay, bắn bị thương một số chiếc khác, bắt sống 1 phi công Mỹ.

- 10-1964, Quân ủy TW chỉ thị mở hàng loạt cuộc tiến công đông xuân 1964-1965. Trên khắp chiến trường miền Nam, địch đều bị quân giải phóng tấn công, nổi bật là chiến dịch Bình Giã và Đồng soài. Ngụy quân và ngụy quyền đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt và sụp đổ. "Chiến lược chiến tranmh đặc biệt" đã bị phá sản.

**2. Đường lối trong giai đoạn 1965 - 1975**

**Thời kỳ 1965-1968**

**• Chiến lược chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ**

- Ý đồ chiến lược của Mỹ là đưa quân Mỹ vào nhanh và rút nhanh – Đánh nhanh thắng nhanh (7-1965 đến cuối năm 1967).

- Đại tướng Oétmolen đề xuất chiến lược *"tìm và diệt"* được Gônsơn chấp nhận. Tháng 7-1965, Mỹ đưa 20 vạn quân vào VN.

**• Chuyển hướng chỉ đạo của Đảng ta**

- Hội nghị 11 và 12 BCH TW đảng quyết định:

+ Miền Bắc chuyển toàn bộ hoạt động từ thời bình sang thời chiến với khẩu hiệu *" tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"* , tuyển mới 270.000 quân, tăng quân chi viện miền Nam.

+ Miền Nam: *"quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ trong bất kỳ tình huống nào"*, vẫn phương châm *"đánh lâu dài dựa vào sức mình là chính"* đồng thời cố gắng tranh thủ thời cơ, *giành thắng lợi quyết định trong một thời gian tương đối ngắn.*

- **Kết quả thực hiện:**

- Đánh đòn phủ đầu đối với quân Mỹ.(Núi Thành 3-65, Vạn tường 8-65 …)

- Cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất (1-1966) với 72 vạn quân Mỹ ngụy đánh vào miền đông Nam Bộ và khu V, đến tháng 4-1966 bị thất bài hoàn toàn.

- Giữa năm 1967, lực lượng Mỹ lên tới 469.000 quân. Mỹ mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai (mùa khô 1966-1967).

Với lực lượng khổng lồ: 20 sư đoàn, 4000 máy bay, 2500 xe tăng, mở liền 3 cuộc hành quân "tìm-diệt" trong 6 tháng, nhưng tháng 5-1967, Bộ chỉ huy quân sự Mỹ buộc phải chấm dứt cuộc phản công chiến lược lần thứ hai với thất bại thảm hại.

- Trên miền Bắc, 1967 khối lượng bom đạn địch dội xuống nhiều gấp 7 lần năm 1965, nhưng hàng nghìn máy bay bị bắn rơi, hậu phương lớn vẫn vững vàng. Chỉ 1965-1968 có 89 vạn thanh niên nhập ngũ.

- Tổng tiến công Mậu thân năm 1968 đánh vào 4/6 thành phố lớn, 37/40 thị xã. Đêm 31-3-1968 Tổng thống Mỹ buộc tuyên bố đơn phương xuống thang chiến tranh: ngừng ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra, thực hiện phi Mỹ hóa chiến tranh, chấp nhận thất bại trong cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam.

- 31-10-1968, Giônsơn tuyên bố ngừng hoàn toàn ném bom miền Bắc, chấp nhận ngồi vòa bàn đàm phái tại hội nghị Pari.

## Giai đoạn 1969-1975

• Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ

- Đầu năm 1969, Níchsơn nhậm chức tổng thống Hoa kỳ, đề ra chiến lược toàn cầu mang tên *"Học thuyết Ních sơn"*

"Việt Nam hóa chiến tranh" ở Việt Nam.

- Công thức của Việt Nam hóa chiến tranh là: quân ngụy + vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mỹ. Tăng cường đánh phá miền Bắc, mở rộng chiến tranh sang Lào và Cam Pu Chia, thỏa hiệp với TQ, hòa hoãn với LX trước khi rút quân.

• Chủ trương chiến lược của Đảng

- Chú ý tư tưởng chỉ đạo của Bác Hồ qua thư chúc tết 1968.

*"Vì độc lập, vì tự do, đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào"*

- Tăng cường đoàn kết chiến đấu của 3 nước Đông Dương.

• Kết quả thực hiện đường lối

- Đánh bại cuộc hành quân thử nghiệm chiến lược "việt Nam hóa chiến tranh" – Đường 9 Nam Lào (đầu năm 1971) với 40.000 quân ngụy + 15.000 quân yểm trợ Mỹ + hàng nghìn máy bay, xe tăng, pháo lớn. Bắt sống 20.000 tên địch và tư lệnh mặt trận Đại tá Nguyễn Văn Thọ.

- loại khỏi vòng chiến hàng vạn tên ở mặt trận đông bắc Cam pu chia.

- Giành thắng lợi lớn trong cuộc tiến công chiến lược 1972.

(Hiệp định Pa ri là kết quả 5 năm đấu tranh trong đàm phán; 201 phiên họp công khai; 45 cuộc gặp riêng cấp cao; 500 cuộc họp báo; 1000 cuộc phỏng vấn; hàng trăm cuộc mít tinh ủng hộ VN).

- Đánh thắng các cuộc hành quân lấn chiếm của quân ngụy (710.000 quân chính quy + 1.500.000 bảo an).

- Đại thắng mùa xuân 1975 với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đem lại thắng lợi hoàn toàn cho cách mạng miền Nam.

**3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm**

***a. Kết quả***

**- Miền bắc:**

+ CNXH đạt được những thành tựu đáng tự hào;

+ Chế độ mới – XHCN - bước đầu được hình thành;

+ Đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ

+ hoàn thành xuất sắc vai trò căn cứ địa của cách mạng cả nước, hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam.

**- <u>Miền Nam:</u>**

+ Đánh bại "chiến tranh đơn phương" của Mỹ nguy;

+ ---------- "chiến tranh đặc biệt"

+ ---------- "chiến tranh cục bộ"

+ ---------- " Việt Nam hóa chiến tranh" đỉnh cao là đại thắng Mùa xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

***b. Ý nghĩa lịch sử***

**- <u>Đối với nước ta</u>**

+ Hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc ta;

+ Tăng cường sức mạnh vật chất và tinh thần, thế và lực cho cách mạng và dân tộc, để lại niềm tự hào và kinh nghiệm quý báu cho các thế hệ sau;

+ Góp phần quan trọng vào nâng cao uy tín của Đảng và của dân tộc trên trường quốc tế.

**- Đối với cách mạng thế giới**

+ đập tan cuộc phản kích lớn nhất của chủ nghĩa đế quốc;

+ Làm phá sản các chiến lược chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, mở ra sự xụp đổ không thể tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ phong trào đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ tự do và hòa bình phát triển;

***c. Nguyên nhân thắng lợi***

- Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng (đường lối chính trị, quân sự);

- Cuộc chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh anh dũng của quân dân cả nước đặc biệt là cán bộ chiến sỹ và hàng chục triệu đồng bào yêu nước Miền nam.

- Công cuộc xây dựng và bảo vệ hậu phương lớn, hết lòng chi viện tiền tuyến của đồng bào và chiến sỹ miền Bắc;

***d. Bài học kinh nghiệm***

- ***Một là,*** đề ra và thực hiện đường lối *"dương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội"* tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến đấu và chiến thắng;

- ***Hai là,*** kiên định tư tưởng chiến lược tiến công, quyết đánh và quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược;

- ***Ba là,*** kiên trì thực hiện đường lối chiến tranh nhân dân, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính; sáng tạo, linh hoạt trong phương pháp đấu tranh, phương pháp chiến đấu phù hợp với thực tiễn.

- ***Bốn là,*** trên cơ sở đường lối, chủ trương chiến lược đúng, phải có công tác tổ chức thực hiện giỏi, năng động, sáng tạo, thực hiện phương châm giành thắng lợi từng bước để đến thắng lợi hoàn toàn;

- ***Năm là,*** phải hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, công tác xây dựng hậu phương, tranh thủ tập hợp lực lượng trong nước và quốc tế ủng hộ cách mạng Việt Nam.

---

# CÂU HỎI ÔN TẬP

***Câu 1***: Nguyễn Ái Quốc đã làm những gì để chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam?

***Câu 2:*** Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng – nội dung, cơ sở khoa học và ý nghĩa?

***Câu 3.*** Nội dung và cơ sở khoa học của đường lối kháng chiến, kiến quốc (1946-1954) của Đảng?

***Câu 4:*** Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược?

***Câu 5:*** Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của đường lối cách mạng miền Nam (1954-1964)?

***Câu 6:*** Đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng (1965-1975)

## *CHƯƠNG IV*

# ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA

## I. CÔNG NGHIỆP HÓA THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI

### 1. Mục tiêu và phương hướng công nghiệp hóa

Đường lối công nghiệp hóa được hình thành từ Đại hội III của Đảng (9-1960). Trước đổi mới, đất nước ta đã có 25 năm công nghiệp hóa (CNH), chia làm hai thời kỳ:

Miền Bắc, từ 1960-1975

Cả nước, từ 1975 – 1985

***a. Ở miền Bắc***

**Đại hội III** đã khẳng định:

- Tính tất yếu của công nghiệp hóa đối với công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.
- CNH là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ.

- Mục tiêu cơ bản của CNH là, xây dựng một nền kinh tế XHCN cân đối và hiện đại; bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho CNXH.

- Phương hướng chỉ đạo xây dựng và phát triển công nghiệp là:

+ ưu tiên phát triển công nghiệp năng một cách hợp lý;

+ kết hợp chặt chẽ phát triển công nghiệp với nông nghiệp;

+ ra sức phát triển công nghiệp nhẹ song song với ưu tiên phát triển công nghiệp nghiệp nặng;

***b.Trên phạm vi cả nước***

**- Đại hội IV (12 – 1976)** đề ra đường lối công nghiệp hóa, về cơ bản nhất trí với nhận thức trước đây của đại hội III (1960) đồng thời có phát triển trong tình hình thực tiễn mới. (tr.119, SGK)

**- Đại hội V (3-1982),** từ thực tiễn 5 năm (1976 – 1981), Đảng đã điều chỉnh rất đúng về mục tiêu và bước đi của CNH, phù hợp với thực tiễn Việt Nam:

+ Phải xác định chặng đường đầu tiên (bước đi ban đầu, chặng đường trước măt) của thời kỳ quá độ ở nước ta, lấy nông nghiệp là *mặt trận hàng đầu;*

+ Phải ra sức phát triển công nghiệp sản xuất hảng tiêu dùng;

+ Công nghiệp nặng giai đoạn này cần làm *có mức độ*, *vừa sức* nhằm phục vụ thiết thực, hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ

+ Đại hội V còn xác định: coi những kết luận trên là nội dung chính của CNH trong chặng đường trước mắt.

Tiếc rằng trên thực tế, chúng ta đã không làm đúng sự điều chỉnh chiến lược đã nêu.

## 2. Đánh giá sự thực hiện đường lối CNH

Nhìn chung, từ 1960 đến 1985, chúng ta nhận thức và tiến hành CNH theo kiểu cũ, dẫn tới những hạn chế và sai lầm sau đây:

- CNH theo mô hình kinh tế *khép kín,* hướng nội, thiên về phát triển công nghiệp nặng.

- CNH chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên, đất đai và nguồn viện trợ của các nước XHCN; Chủ lực CNH là nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước; Phân bổ nguồn lực để CNH được thực hiện thông qua kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, không tôn trọng các quy luật thị trường.

- Nóng vội, chủ quan duy ý chí, giản đơn, ham làm nhanh, làm lớn, không quan tâm hiệu quả kinh tế.

Trong điều kiện khó khăn, chiến tranh phá hoại, lại bị bao vây, cấm vận, những sai lầm trên đã trở thành nguyên nhân chủ yếu dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội kéo dài nhiều năm.

**Nguyên nhân của những hạn chế trên:**

**Về khách quan**

CNH từ một nền kinh tế lạc hậu, nghèo nàn, trong điều kiện chiến tranh kéo dài, vừa bị tàn phá nặng nề vừa không thể tập trung nguồn lực.

**Về chủ quan**

Chúng ta mắc sai lầm nghiêm trọng về xác định mục tiêu, bước đi, về cơ sở vật chất-kỹ thuật, về cơ cấu sản xuất, về cơ cấu đầu tư.

Đó là những sai lầm xuất phát từ tư tưởng tả khuynh, chủ quan duy ý chí trong nhận thức và chủ trương CNH.

## II. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA THỜI KỲ ĐỔI MỚI

### 1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa

## Đại hội Đảng toang quốc lần thứ VI (12 – 1986)

Với tinh thần *"nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật"* Đảng ta đã nghiêm khắc kiểm điểm, chỉ ra những sai lầm trong nhận thức và chủ trương CNH thời kỳ 1960-1985, đặc biệt 10 năm 1975-1985, đó là:

- Phạm sai lầm trong việc xác định mục tiêu, bước đi về xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật, cải tạo XHCN và quản lý kinh tế vv…

Do tư tưởng chủ quan nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết, nên đã chủ trương đẩy mạnh CNH trong khi chưa có đủ điều kiện, chậm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

- Bố trí cơ cấu kinh tế (sản xuất và đầu tư) thường chỉ xuất phát từ mong muốn chủ quan, muốn làm nhanh, làm lớn;

Không kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu công nghiệp và nông nghiệp thành một cơ cấu hợp lý, thiên về công nghiệp nặng, quy mô lớn, không tập trung sức giải quyết về căn bản vấn đề lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Kết quả là đầu tư nhiều nhưng hiệu quả thấp.

- Không nghiêm chỉnh thực hiện nghị quyết đại hội V (coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, công nghiệp nặng chưa phục vụ kịp thời nông nghiệp và công nghiệp nhẹ)

**Đại hội VI (12-1986)**

Từ việc chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm, Đảng đã cụ thể hóa những nội dung chính của CNH trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên:

Thực hiện bằng được ba chương trình mục tiêu: Lương thực tực phẩm, hàng tiêu dung, hàng xuất khẩu.

**Hội nghị TW 7 khóa VII (1-1994)**

Đã có bước đột phá trong nhận thức về khái niệm "công nghiệp hóa, hiện đại hóa" (SGK, tr.123).

**Đại hội VIII (6-1996)**, tổng kết 10 năm đổi mới đã đưa ra nhận định quan trọng:

- Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội;
- Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đấu của thời kỳ qúa độ-chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành, cho phép nước ta chuyển sang thời kỳ CNH, HĐH.

- Đại hội đã nêu ra 6 quan điểm về CNH, HĐH; định hướng những nội dung cơ bản của CNH,HĐH trong những năm còn lại của thế kỷ XX. Đến nay những quan điểm và định hướng đó vẫn đúng.

**Đại hội IX (4-2001); Đại hội X (4-2006); Đại hội XI (1-2011)**

Đã bổ sung và nhấn mạnh một số điểm mới về con đường CNH rút ngắn của nước ta.

**2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa**

a. Mục tiêu (tr. 124, SGK)

b. Quan điểm (được nêu ra từ đại hội VII, bổ sung, phát triển qua đại hội VIII, IX,X), có thể khái quát những điểm cơ bản sau:

*Một là*, công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa và công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức.

*Hai là*, lấy công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế.

*Ba là,* Lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

*Bốn là,* coi khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa

*Năm là,* phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

**3. Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức**

***a. Nội dung***

- Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức, kết hợp nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại.

- Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển, ở mỗi vùng, mỗi địa phương và từng dự án kinh tế.

- Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ.

- Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng xuất lao động ở mọi ngành, lĩnh vực, nhất là những ngành, lĩnh vực có sức cạnh tranh cao.

## *b. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế*

• *Đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân*

*Một là*, Về CNH,HĐH nông nghiệp, nông thôn

Định hướng phát triển trong những năm tới cho quá trình này là:

+ chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, đẩy nhanh tiến bộ KH-KT và công nghệ sinh học vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh.

+ Tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm các ngành công nghiệp và dịch vụ.

*Hai là,* Về quy hoạch phát triển nông thôn

*Ba là,* về giải quyết lao động, việc làm ở nông thôn

• *Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ*.

+ Công nghiệp và xây dựng

+ Dịch vụ: phải tạo bước phát triển vượt bậc.

- *Phát triển kinh tế vùng*

+ Cần có chính sách phù hợp để kích thích các vùng trong cả nước phát triển nhanh hơn, trên cơ sở phát huy lợi thế của mỗi vùng.

+ Xây dựng ba vùng kinh tế trọng điểm Bắc, Trung, Nam thành những trung tâm công nghiệp lớn có công nghệ cao để các vùng đóng góp cho sự phát triển cả nước. Tạo động lực cho sự phát triển các vùng xã xôi, hẻo lánh (miền núi, hải đảo…)

- *Phát triển kinh tế biển*
- *Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ*

+ *Một là*, phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo cơ cấu đồng bộ và chất lượng cao, đến năm 2010 khu vực nông nghiệp còn dưới 50% lao động xã hội.

+ *Hai là*, phát triển KH-CN phù hợp với xu thế phát triển nhảy vọt của cách mạng KH-CN. Lựa chọn, đi ngay vào công nghệ hiện đại ở một số lĩnh vực. Chú trọng phát triển công nghệ cao để tạo đột phá và công nghệ sử dụng nhiều lao động để tạo thêm việc làm. đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu KH-CN tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong từng ngành và lĩnh vực.

+ *Ba là,* Kết hợp chặt chẽ KH-CN với giáo dục & đào tạo.

+ *Bốn là*, đổi mới cơ bản cơ chế quản lý KH và CN nhất là cơ chế tài chính cho phù hợp với đặc điểm của hoạt động nghiên cứu, sáng tạo nhưng cũng nhiều rủi ro.

• *Bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên.*

+ Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia, nhất là lài nguyên đất, nước, khoáng sản và rừng. Ngăn chặn những hành vi phá hoại và gây ô nhiễm môi trường.

+ Từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng thủy văn, chủ động phòng chống thiên tai, cứu nạn.

+ Xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hóa với bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững.

+ Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường Và quản lý tài nguyên thiên nhiên, chú trọng tài nguyên nước.

## 4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

***a/ Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa***

***b/ Hạn chế và nguyên nhân***

(Yêu cầu tự đọc trong SGK (tr.137 – tr.141) và cập nhật thông tin từ văn kiện đại hôi XI (1 – 2011).

---

# *CHƯƠNG V*

## I. QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VỀ ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

### 1. Cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới

#### *a. Cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp*

Có những đặc điểm chủ yếu là:

1/ Nhà nước quản lý kinh tế chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính dựa trên hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh chi tiết áp đặt từ trên xuống dưới. Doanh nghiệp hoạt động trên cơ sở các quyết định nhà nước có thẩm quyền và các chỉ tiêu pháp lệnh được giao. Lãi do nhà nước thu, lỗ do nhà nước bù.

2/ Các cơ quan hành chính can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhưng lại không chịu trách nhiệm gì về vật chất và pháp lý đối với quyết định của mình.

3/ Quan hệ hàng hóa-tiền tệ bị coi nhẹ (chỉ là hình thức), quan hệ hiện vật là chủ yếu. Nhà nước quản lý thông qua chế độ *"cấp phát" "giao nộp"*

4/ Bộ máy quản lý cồng kềnh, nhiều cấp trung gian kém năng động, sinh ra đội ngũ quản lý kém năng lực, phong cách cửa quyền, quan liêu nhưng lại được hưởng quyền lợi cao hơn người lao động.

5/ Chế độ bao cấp được thực hiện dưới những hình thức chủ yếu sau:

- *Bao cấp qua giá*: Nhà nước định giá trị tài sản, hàng hóa thấp hơn nhiều giá trị thực của thị trường. Hạch toán chỉ hình thức.

- *Bao cấp qua chế độ tem phiếu:*

Nhà nước quy định chế đọ phân phối vật phẩm tiêu dùng cho cán bộ, công nhân viên qua hình thức tem phiếu. Mức giá theo tem phiếu khác xa giá thị trường, biến chế độ tiền lương thành lương hiện vật. Thủ tiêu động lực kích thích người lao động, phá nguyên tắc phân phối theo lao động.

- Bao cấp theo chế độ cấp phát vốn của ngân sách, nhưng không có chế tài ràng buộc trách nhiệm vật chất, vừa tăng gánh nặng với nghân sách, vừa làm cho việc sử dụng vốn kém hiệu quả.

Trong thời kỳ kinh tế chủ yếu tăng trưởng theo chiều rộng, cơ chế trên còn có tác dụng nhất định, cho phép tập trung tối đa nguồn lực vào mục tiêu nào đó trong từng thời gian và giai đoạn cụ thể.

Nhưng khi kinh tế thế giới chuyển sang giai đoạn phát triển theo chiều sâu dựa trên thành tựu khoa học-công nghệ, cơ chế quản lý trên hoàn toàn bộc lộ những khiếm khuyết của nó. Kinh tế các nước XHCN trong đó có Việt Nam lâm vào trì trệ và khủng hoảng.

***b. Nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế***

Từ nhận thức rõ những hạn chế của cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp, Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), đã khẳng định sự cần thiết cấp bách phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

## 2. Sự hình thành tư duy cua của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới

### *a. Từ Đại hội VI đến Đại hội VIII*

**Đại hội VI:** Nhận thức về kinh tế thị trường của Đảng có những thay đổi cơ bản sau:

1/ Kinh tế thị trường không phải là sản phẩm riêng của CNTB mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại.

2/ Kinh tế thị trường còn tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Kinh tế thị trường dưới góc độ là "*một kiểu tổ chức kinh tế*":

+ Nó chỉ đối lập với kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc chứ không đối lập với chế độ xã hội.

+ Nó không phải là đặc trưng bản chất của chế độ kinh tế cơ bản của xã hội. Nó tồn tại ở nhiều PTSX khác nhau. Nó vừa có thể liên hệ với chế độ tư hữu vừa có thể liên hệ với chế độ công hữu và phục vụ chúng.

+ Xây dựng và phát triển kinh tế thị trường không phải là phát triển tư bản chủ nghĩa hoặc đi theo con đường TBCN. Xây dựng nền kinh tế XHCN cũng không dẫn đến phủ định kinh tế thị trường.

**Đại hội VII**: (6-1991)

- Tiếp tục khẳng định: sản xuất hàng hóa không đối lập với CNXH, nó tồn tại khách quan và cần thiết cho xây dựng CNXH

- Cơ chế vận hành của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN ở nước ta là *"cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước"* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác.

**Đại hội VIII:** (6-1996)

Đề ra nhiệm vụ, đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN.

3/ *Có thể và cần thiết sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng CNXH ở nước ta.*

Ở bất kỳ xã hội nào, khi lấy thị trường làm phương tiện cơ sở để phân bổ các nguồn lực kinh tế thì kinh tế thị trường cũng có các đặc điểm chủ yếu sau:

- Các chủ thể kinh tế có tính độc lập, tự chủ trong sản xuất kinh doanh;

- Giá cả cơ bản do cung cầu điều tiết, hệ thống thị trường phát triển đồng bộ và hoàn hảo;

- Nền kinh tế có tính chất mở cao và vận hành theo quy luật vốn có của nó: quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh, quy luật cung cầu…;

- Có hệ thống pháp quy được kiện toàn và sự quản lý vĩ mô của Nhà nước.

Trước đổi mới, chúng ta chưa thừa nhận nền sản xuất hàng hóa và cơ chế thị trường.

Sau đổi mới, chúng ta ngày càng nhận rõ, có thể dùng cơ chế thị trường làm cơ sở phân bổ các nguồn lực tế, dùng giá cả làm tín hiệu điều tiết chủng loại và số lượng hàng hóa, điều tiết tỷ lệ sản xuất thông qua cạnh tranh, thúc đẩy tiến bộ, đào thải yếu kém.

## b. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội X

### Đại hội IX (4-2001)

Đại hội chính thức xác định mô hình kinh tế nước ta trong thời kỳ quá độ: *"Đó là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN".*

Đây là bước chuyển quan trọng trong nhận thức của Đảng:

- Từ chỗ coi kinh tế thị trường chỉ là một công cụ, một cơ chế quản lý, đến chỗ, xác định kinh tế thị trường là một chỉnh thể là cơ sở kinh tế của sự phát triển theo định hướng XHCN.

- Vậy thế nào là kinh tế thị trường định hướng XHCN ?

*"Đó là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo quy luật kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và chịu sự dẫn dắt chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH"*

Thế mạnh của "thị trường" được dùng để phát triển LLSX, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH, nâng cao đời sống nhân dân.

Còn tính *"định hướng XHCN"* được thể hiện trên cả ba mặt của quan hệ sản xuất: Sở hữu, quản lý, phân phối, nhằm mục đích cuối cùng là, *"dân giầu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội do nhân dân làm chủ, nhân ái, có văn hóa, có kỷ cương, xóa bỏ áp bức và bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc".*

**Đại hội X:** (2006)

Kế thừa nội dung Đại hội IX, tiếp tục làm rõ nội dung cơ bản của : *"Định hướng XHCN"* trong phát triển kinh tế thị trường thể hiện ở bốn tiêu chí:

- Về mục đích phát triển: nhằm thực hiện, dân giầu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. (khác biệt với mục đích tất cả vì lợi nhuận, phục vụ lợi ích nhà tư bản, bảo vệ và phát triển CNTB.

- Về phương hướng phát triển:

Nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước giữ vain trò chủ đạo (bằng hiệu quả sản xuất kinh doanh và khoa học –công nghệ).

Nền kinh tế phải dựa trên nền tảng của sở hữu toàn dân về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Về định hướng xã hội và phân phối:

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước đi và từng chính sách phát triển, tăng trưởng gắn với phát triển xã hội (văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học- công ghệ, hạn chế tiêu cực.)

Chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội, đồng thời theo mức đóng góp vốn và nguồn lực khác để huy động mọi nguồn lực cho phát triển.

- Về quản lý:

Phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai tró quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tiêu chí này biểu hiện sự khác biệt cơ bản giữa kinh tế thị trường tư bản với kinh tế thị  trường định hướng XHCN.

## II. TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN Ở NƯỚC TA

### 1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản

***a. Thể chế kinh tế và thể chế kinh tế thị trường***

• *Thể chế kinh tế: (bộ phận cấu thành* của thể chế xã hội)

*Là một hệ thống các quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế,*

Bao gồm các yếu tố: Các đạo luật, quy chế, quy tắc, chuẩn mực về kinh tế gắn với các chế tài về sử phạt vi phạm, các tổ chức kinh tế, các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế, truyền thống văn hóa và văn minh kinh doanh, cơ chế vận hành nền kinh tế.

• *Thể chế kinh tế thị trường:*

*Là một thể chế kinh tế tổng thể bao gồm các bộ luật lệ, quy tắc và hệ thống các thực thể, tổ chức kinh tế được tạo lập nhằm điều chỉnh hoạt động giao dịch, trao đổi trên thị trường.*

Thể chế kinh tế thị trường bao gồm:

- Các quy tắc về hành vi kinh tế diễn ra trên thị trường- các bên tham gia thị trường với tư cách là các chủ thể thị trường.

- Cách thức thực hiện các quy tắc nhằm đạt được mục tiêu hay kết quả, mà các bên tham gia thị trường mong muốn;

- Các thị trường – nơi hàng hóa được giao dịch, trao đổi trên cơ sở các yêu cầu của quy định, luật lệ (thị trường hàng hóa, dịch vụ, vốn, lao động, công nghệ, bất động sản…)

- Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN

*Cũng là thể chế kinh tế thị trường, nhưng được tự giác, chủ động tạo lập và sử dụng như một công cụ hướng dẫn cho các chủ thể trong nền kinh tế hoạt động theo đuổi mục tiêu kinh tế-xã hội tối đa* (phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, vì mục tiêu dân giầu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh) *chứ không đơn thuần là mục tiêu lợi nhuận tối đa.*

Qua 25 năm đổi mới, thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta đã được hình thành trên những nét cơ bản.

## *b. Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN*

Mục tiêu cơ bản : Làm cho các thể chế phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường; thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập quốc tế thành công, giữ vững định hướng XHCN; xây dựng và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam XHCN. (hoàn thành về cơ bản vào năm 2020).

Mục tiêu trước mắt:

*một là,* từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật;

Phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước đôi với phát triển mạnh các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp;

Hình thành một số tập đoàn kinh tế, các tổng công ty đa sở hữu, áp dụng một số mô hình quản trị hiện đại, có năng lực cạnh tranh quốc tế.

*Hai là,* đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công.

*Ba là,* phát huy đồng bộ các loại thị trường cơ bản thống nhất trong cả nước, từng bước liên thông với thị trường khu vực và thế giới.

*Bốn là,* giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

*Năm là,* Nâng cao hiệu quả, hiệu lực của quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị-xã hội và nhân dân trong quản lý, phát triển kinh tế xã hội.

***c. Quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN***

- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện Việt nam, bảo đảm định hướng XHCN nền kinh tế.

- Bảo đảm đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế, giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường, giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội; giữa Nhà nước, thị trương và xã hội.

- Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm từ thực tiễn đổi mới ở nước ta.

- Chủ động, tích cực giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng, đồng thời phải có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết rút kinh nghiệm.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong qua trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

**2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN**

***a. Thống nhất về nhận thức:***

- Sử dụng kinh tế thị trường là cần thiết để xây dựng CNXH;

- Kinh tế thị trường là cơ sở kinh tế của sự phát triển theo định hướng XHCN;

- Kinh tế thị trương định hướng XHCN là nền kinh tế vừa tuân theo quy luật kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế của CNXH và các nhân tố bảo đảm định hướng XHCN.

***b. Hoàn thiện thể chế về sở hữu, về các thành phần kinh tế, về loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh.***

- Hoàn thiện thể chế về sở hữu:

+ Tại sao cần hoàn thện thể chế sở hữu ? (tr.159 SGK)

+ phương hướng cơ bản hoàn thiện thể chế sở hữu (tr,160 SGK)

- Hoàn thiện thể chế phân phối (tr,160,161 SGK)

***c. Hoàn thiện thể chế bảo đảm đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường.***

- Thể chế về giá, cạnh tranh, kiểm soát độc quyền trong kinh doanh, ký kết và thực hiện hợp đồng. Giám sát, đầu tư và giải quyết tranh chấp. Đa dạng hóa các loại thị trường(tr,161 SGK)

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách quản lý hoạt động của thị trường chứng khoán, thị trườn bảo hiểm, thị trường bất động sản, thị trường lao động… (tr.162 SGK)

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách quản lý các tổ chức nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ.(tr.162), cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, thị trường công nghệ, giáo dục, y tế, thể dục thể thao (tr.162)

***d. Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường.***

***e, Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế-xã hội***

- Vai trò của Đảng
- Vai trò của Nhà nước
- Vai trò của các tổ chức dân cử, tổ chức chính trị-xã hôi…

**3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân (tr.165,166 sgk)**

---

# *CHƯƠNG VI*

## ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

### Khái niệm Hệ thống chính trị

Tại hội nghị Trung ương lần thứ 6, khóa VI (1989), lần đầu tiên Đảng ta dùng khái niệm "Hệ thống chính trị" và từ Đại hội VII (1991) tới nay, chúng ta chỉ dùng khái niệm Hệ thống chính trị.

*Hệ thống chính trị của chủ nghĩa xã hội, là hệ thống các tổ chức chính trị-xã hội mà nhờ đó nhân dân lao động thực thi quyền lực của mình.*

Ở mỗi giai đoạn cách mạng, khái niệm hệ thống chính trị có một nội hàm đặc thù, được diễn đạt bằng một thuật ngữ riêng.

Hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay bao gồm: Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và 5 đoàn thể chính trị - xã hội (Tổng liên đoàn lao động Việt nam; ĐòanTthanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ việt nam; Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Hội Nông dân Việt nam).

# I. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KỲ TRƯỚC ĐỘI MỚI

## 1. Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (1945-1954)

- Nhiệm vụ: Giành độc lập, thống nhất dân tộc; xóa bỏ tàn tích phong kiến,thực hiện người cầy có ruộng; phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

- Cơ sở tư tưởng: *"Dân tộc trên hết", "Tổ quốc trên hết"*

- Cơ sở xã hội: khối đai đoàn kết dân tộc rộng rãi, không phân biệt gống nồi, giai cấp, tôn giáo, ý thức hệ, chủ thuyết, không chủ trương đấu tranh giai cấp. Đặt lợi ích dân tộc lên vị trí cao nhất.

- Chính quyền tự xác định là công bộc của dân, coi dân là chủ và dân làm chủ, cán bộ sống và làm việc giản dị, cần kiệm liêm chính, trí công vô tư.

- Vai trò lãnh đạo của Đảng ẩn đằng sau Quốc hội và Chính phủ, trong vai trò của cá nhân chủ tịch Hồ Chí Minh và các Đảng viên trong Quốc hội và Chính phủ.

- Có Mặt trận (Liên Việt) và nhiều tổ chức quần chúng rộng rãi, làm việc tự nguyện, không hưởng lương, không nhận kinh phí hoạt động từ nguồn ngân sách Nhà nước, do đó không có điều kiện công chức hóa, quan liêu hóa.

- Cơ sở kinh tế chủ yếu của hệ thống: nền sản xuất hàng hóa nhỏ tư nhân, phân tán, tự cấp tự túc, bị chủ nghĩa thực dân và chiến tranh kìm hãm, chưa có viện trợ và đầu tư của nước ngoài.

- Đã xuất hiện (bước đầu) sự giám sát của xã hội dân sự đối với Nhà nước và Đảng, sự phản biện của hai Đảng khác (đảng Dân chủ và Xã hội) đối với Đảng Cộng sản, nhờ đó giảm thiểu rõ rết các tệ nạn thường thấy của bộ máy công quyền.

**2. Hệ thống dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (giai đoạn 1954 – 1975)**

Cơ sở hình thành hệ thống Chuyên chính vô sản ở nước ta

*Một là,* Lý luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin về thời kỳ quá độ và chuyên chính vô sản (C.Mác, V.I.Lênin)

*Hai là,* đường lối chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1954-1975. (báo cáo chính trị Đại hội III, 1960).

Thực chất hệ thống chính trị thời kỳ này là *"Hệ thống chuyên chính vô sản"*

*Ba là,* cơ sở chính trị của hệ thống là sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt nam.

*Bốn là,* cơ sở kinh tế của hệ thống là nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan iêu, bao cấp. Bởi vậy hệ thống không thể không phản chiếu cả ưu điểm, lẫn những sai lầm của mô hình kinh tế ấy.

*Năm là,* cơ sở xã hội của chuyên chính vô sản là liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tâng lớp trí thức.

**3. Hệ thống chuyên chính vô sản mang đặc điểm Việt Nam, giai đoạn 1975 - 1985**

Từ 1975, hệ thống chuyên chính dân chủ nhân nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (trên nửa nước) chuyển sang *hệ thống chuyên chính vô sản* hoạt động trên phạm vi cả nước.

**Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (1976)** nhận định:

Muốn đưa sự nghiệp cách mạng XHCN đến toàn thắng, *"điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ thập thể của nhân dân lao động"*

Trong giai đoạn này, Chuyên chính vô sản được hiểu là chế độ làm chủ tập thể XHCN, bởi vậy,

Xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản bao gồm những nội dung sau:

*một là,* Xác định quyền làm chủ của nhân dân lao động được thể chế hóa băng pháp luật và tổ chức

*Hai là,* Nhà nước trong thời kỳ quá độ là nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước ấy phải là một thiết chế của dân, do dân, vì dân, đủ năng lực tiến hành ba cuộc cách mạng, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới.

*Ba là,* xác định Đảng là người lãnh đạo toàn xã hội trong điều kiện chuyên chính vô sản, là bảo đảm cao nhất cho chế độ làm chủ tập thể, cho sự tồn tại và hoạt động của nhà nước XHCN.

*Bốn là,* xác định nhiệm vụ chung của mặt trận và các đoàn thể là bảo đảm cho quần chúng tham gia và kiểm tra công việc của Nhà nước; đồng thời là trường học về chủ nghĩa xã hội. Muốn vậy các đoàn thể phải đổi mới hình thức tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động.

*Năm là,* xác định mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ là cơ chế chung trong quản lý toàn xã hội.

Hoạt động của hệ thống chuyên chính vô sản trong 10 năm (1975-1985) được chỉ đạo bởi đường lối của Đại hội IV và Đại hội V.

**Đánh giá chung:**

• Điểm tìm tòi và sán tạo của của Đảng trong giai đoạn này là, coi làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là bản chất của chuyên chính vô sản ở nước ta.

- Mối quan hệ giữa Đảng, Nhà ước và Nhân dân chưa được xác định cụ thể ở từng cấp từng đơn vị; mỗi bộ phận trong hệ thống ccvs chưa làm tốt chức năng của mình, chế độ trách nhiệm không nghiêm.

- Bộ máy Nhà nước cồng kềnh kém hiệu quả, cơ chế tập trung quan liêu bao cấp là nguyên nhân trực tiếp.

- Sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ, chưa đáp ứng yêu cầu giải quyết nhiều vấn đề kinh tế - xã hội cơ bản và cấp bách.

- Đảng chưa phát huy được vai trò chức năng của các đoàn thể chính tri-xã hội, chưa đổi mới phương thức hoạt động.

- Hệ thống chuyên chính vô sản có biểu hiện bảo thủ, trì trệ, chậm đổi mới trước những đột phá mới của cơ sở và địa phương.

dẫn đến kìm hãm quá trình đổi mới kinh tế- xã hội.

Những sai lầm, hạn chế trên đặt ra yêu cầu cấp bách phải đổi mới hệ thống chính trị.

## 1. Đổi mới tư duy về hệ thống chính trị

- *Nhận thức mới về quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị* :

Nhìn trên tổng thể, Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới về tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối chính sách đối nội đối ngoại. Đây là điều kiện tiên quyết cho mọi sự đổi mới.

Tuy nhiên cái đúng của Đảng ta là đã tập trung trước hết vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế-xã hội. Tạo ra tiền đề vật chất và tinh thần để giữ vững ổn định chính trị, củng cố niềm tin của nhân dân để chuẩn bị điều kiện đổi mới các mặt khác. Tránh được sự hỗn loạn, mất phương hướng, đưa đến đổ vỡ như Liên Xô.

- *Nhận thức mới về đấu tranh giai cấp và về động lực* chủ yếu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong điều kiện mới là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng XHCN.

Động lực chủ yếu của phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân, trên cơ sở liên minh công nông và trí thức.

Nhận thức trên là cơ sở tư tưởng, lý luận rất quan trọng để xác định mục tiêu xây dựng hệ thống chính trị và đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị.

- *Nhận thức mới về xây dựng Nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị.*

"Nhà nước pháp quyền" lần đầu tiên được đề cập tại hội nghị TW 2 khóa VII (1991). Đại hội VIII, IX, X, XI tiếp tục làm rõ thêm nội dung của nó.

## 2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới.

### *a. Mục tiêu và quan điểm:*

**Mục tiêu:**

Mục tiêu chủ yếu là xây dựng và thực thi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân.

**Quan điểm:** (bốn quan điểm)

*Một là,* kết hợp chặt đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

*Hai là,* đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị không phải là hạ thấp mà tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Làm cho hệ thống chính trị hoạt động năng động, hiệu quả  phù hợp với đường lối đổi mới, phù hợp yêu cầu với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

*Ba là,* đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

*Bốn là,* đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội.

***b. Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị***

• Xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị

Quan điểm:

- Về Đảng Cộng sản (trước Đại hội X; Đại hội X và Đại hội XI)
- Về phương thức lãnh đạo xã hội (theo cương lĩnh 1991, 0211)
- Về vị trí, vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị
- Về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị.

• Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

- Nhà nước pháp quyền là một tất yếu lịch sử, là tinh hoa, sản phẩm trí tuệ của nhân loại, Việt nam cần tiếp thu.
- Nhà nước pháp quyền là cách thức tổ chức phân công quyền lực nhà nước, không phải là một kiểu nhà nước hay một chế độ nhà nước.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ;

- Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam được xây dựng theo 5 tiêu chí sau:

+ Đó là Nhà nước của dân, do dân và vì dân;

+ Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

+ Nhà nước được tổ chức trên cơ sở hiến pháp và pháp luật, hiến pháp và pháp luật giữ vị trí tối thượng.

+ Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa nhà nước và công dân, thực hành dân chủ đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

+ Nhà nước do một Đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân và phản biện xã hội của mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên.

- Biện pháp:

+ Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế kiểm tra, giám sát

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ;

- Xây dựng cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, công minh, xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương trong phạm vi được phân cấp.

• Xây dựng Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị. Đổi mới hoạt động của mặt trận và các đoàn thể, khắc phục tình trạng hành chính hóa và hình thức.

**3. Đánh giá thực hiện đường lối**

- Kết quả (tr.185,186)

- Hạn chế (tr.187)

---

# *CHƯƠNG VII*

# ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

## I. QUÁ TRÌNH NHẬN THỨC VÀ ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA

### Khái niệm văn hóa

- Nghĩa rộng: để chỉ tổng thể các giá trị vật chất và tinh lần của nhân loại, được sáng tạo ra trong quá trình phát triển lịch sử.

- Nghĩa hẹp: chỉ là giá trị tinh thần của xã hội.

### Văn hóa Việt Nam

Nghĩa rộng: *"là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng các dân tộc Việt Nam sáng tạo ra trong qúa trình dựng nước và giữ nước"*

Nhĩa hẹp: “văn hóa là đời sống tinh thần của xã hội”

“Văn hóa là hệ các giá trị, truyền thống, lối sống”

“Văn hóa là năng lực sáng tạo”, “là bản sắc” của một dân tộc, là cái phân biệt dân tộc này với dân tộc khác.

Trong phạm vi chuyên đề này, chỉ đề cập đến nghĩa hẹp.

**1. Thời kỳ trước đổi mới**

***a. Quan điểm, chủ trương về xây dựng nền văn hóa mới***

- 1943 – 1954

- *Đề cương văn hóa Việt Nam*. (Hội nghị TW vào đầu năm 1943 tại Võng La, Đông Anh, Hà Nội).

Xác định: Văn hóa là một trong 3 mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) của cách mạng Việt Nam;

Ba nguyên tắc của Văn hóa Việt Nam : Dân tộc, Khoa học và Đại chúng.

Văn hóa Việt Nam, dân tộc về hình thức, dân chủ về nội dung.

Đề cương văn hóa có ý nghĩa như cương lĩnh của Đảng về văn hóa trước cách mạng Tháng Tám, nhưng có ảnh hưởng sâu rộng cho tới tận ngày nay.

- Ngày 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra hai / sáu nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thuộc lĩnh vực văn hóa:

+ diệt giặc dốt (chiến dịch xóa nạn mù chữ);

+ thực hiện cần, kiệm, liêm, chính (chiến dịch giáo dục tinh thần nhân dân).

- Đầu năm 1946, Nhà nước thành lập "Ban vận động xây dựng đời sống mới" gồm nhiều nhân vật có uy tín.

- Tháng 3-1947 Hồ Chí Minh trực tiếp viết tài liệu "đời sống mới" gồm hệ thống câu hỏi và trả lời để thiết thực giáo dục lại tinh thần của nhân dân.

với những nội dung cụ thể sau:

+ Xác định mối quan hệ giữa văn hóa và cách mạng giải phóng dân tộc;

+ Xây dựng *"nền văn hóa dân chủ mới"* Việt Nam với các tính chất: dân tộc, khoa học, đại chúng;

+ Tích cực bài trừ nạn mù trữ, mở trường trung học và đại học, cải cách nội dung và phương pháp dậy học,

+ Giáo dục lại nhân dân, cổ động đời sống mới, bài trừ các hủ tục.

+ Kế thừa, gìn giữ cái hay trong văn hóa dân tộc và văn hóa thế giới, loại bỏ cái xấu xa, hủ bại.

+ Hình thành đội ngũ trí thức mới, đóng góp tích cực cho công cuộc kháng chiến 9 năm của dân tộc.

- **1955 -1986:**

- Đường lối xây dựng và phát triển văn hóa trong giai đoạn cách mạng XHCN, Đại hội III (1960) và tiếp tục khẳng định tại Đại hội IV (1976), Đại hội V (1981).

- Điểm cốt lõi của đường lối là chủ trương *tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hoá* đồng thời với cuộc *cách mạng về quan hệ sản xuất* Và *cách mạng khoa học-kỹ thuật;* chủ trương xây dựng nền văn hóa mới và con người mới.

- Nền văn hóa mới là nền văn hóa có *nội dung XHCN và tính chất dân tộc, tính Đảng và tính nhân dân.*

- Nhiệm vụ văn hóa quan trọng trong thời kỳ này là

+ Cải cách giáo dục trong cả nước;

+ Phát triển mạnh khoa học, kỹ thuật, văn hóa nghệ thuật;

+ Giáo dục tinh thần làm chủ tập thể, chống tư tưởng tư sản, phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, xóa bỏ ảnh hưởng của tư tưởng văn hóa thực dân mới ở miền Nam.

***b. Đánh giá sự thực hiện đường lối***

• ***Thành tựu:*** Nền văn hóa dân chủ mới – văn hóa cứu quốc đã bước đầu hình thành và đạt nhiều thành tựu trọng kháng chiến và kiến quốc, đông thời với việc xóa bỏ dần những yếu tố lạc hậu của văn hóa cũ.

• ***Hạn chế và nguyên nhân***

- Công tác tư tưởng và văn hóa thiếu sắc bén;
- Xây dựng thể chế văn hóa còn chậm;
- Sự suy thoái về đạo đức, lối sống có chiều hướng gia tăng;
- Đời sống văn học nghệ thuật còn bất cập, ít tác phẩm đạt đỉnh cao.

- Một số công trình văn hóa vật thể và phi vật thể truyền thống có giá trị không được quan tâm bảo tồn, lưu giữ, thậm chí bị phá hủy.

Nguyên nhân?

- Đường lối xây dựng và phát triển văn hóa bị chi phối bởi tư duy chính trị "*nắm vững chuyên chính vô sản*", thực chất là nhấn mạnh đấu tranh giai cấp, đấu tranh *"ai thắng ai"* giữa hai con đường, giữa hai phe, đấu tranh ý thức hệ.

- Nội dung và mục tiêu cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa giai đoạn này bị chi phối bởi cuộc cách mạng quan hệ sản xuất, với tư tưởng chủ đạo là nhanh chóng xóa bỏ tư hữu, xóa bỏ bóc lột, công hữu hóa trước một bước, tách rời trình độ phát triển LLSX.

- Chiến tranh cùng với cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp, tâm lý bình quân chủ nghĩa đã làm giảm động lực phát triển văn hóa, giáo dục; kìm hãm tự do, sáng tạo.

## 2. Thời kỳ đổi mới

### *a. Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hóa*

Từ đại hội VI (1986) đến Đại hội X (2006), từng bước hình thành nhận thức mới về đặc trưng, về chức năng, vai trò, vị trí của văn hóa trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập quốc tế.

- **Đại hội VI (1986)** xác định: Khoa học – kỹ thuật là một động lực to lớn đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; có vị trí then chốt trong xây dựng CNXH.
- **Cương lĩnh năm 1991** (được thông qua tại Đại hội VII)

- Lần đầu đưa ra quan niệm về đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam: *"tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"*, thay cho quan niệm trước đây: *"nội dung XHCN, tính chất dân tộc, tính Đảng và tính nhân dân."*

- Cương lĩnh chủ trương:

+ Xây dựng nền văn hóa mới, tạo ra đời sống tinh thần cao đẹp,phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ;

+ Kế thừa những giá trị tốt đẹp trong truyền thống văn hóa Việt Nam và thế giới. Chống tư tưởng văn hóa phản tiến bộ, trái với cnxh;

+ Xác định *giáo dục và đào tạo*, *khoa học và công nghệ* là *quốc sách hàng đầu*

## Đại hội VII,VIII,IX,X và các hội nghị TW

Xác định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội và coi văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển (đây là tầm nhìn mới phù hợp với thế giới đương đại). (xem tr.195-197 GT). Những điểm mới trong tư duy về văn hóa là:

+ khoa học và giáo dục đóng vai trò then chốt.

+ giáo dục và đào tạo, cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu để phát huy nhân tố con người .

+ phát triển văn hóa đồng bộ với phát triển kinh tế.

+ phải bảo đảm gắn kết giữa 3 nhiệm vụ: Phát triển kinh tế là trung tâm; xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt; nâng cao văn hóa-nền tảng tinh thần của xã hội. (đây là một bước phát triển quan trọng)

+ Cơ chế thị trường + hội nhập quốc tế là thách thức mới về  lãnh đạo và quản lý văn hóa.

***b. Quan điểm chỉ đạo và chủ trương về xây dựng, phát triển văn hóa***

***Một là,*** văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội

- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội

Văn hóa phản ánh và thể hiện một cách tổng quát mọi mặt của cuộc sống (mỗi cá nhân và cả cộng đồng) diễn ra trong quá trình lịch sử lâu dài.

Văn hóa được cấu thành bởi hệ thống các giá trị, truyền thống và lối sống mà trên đó từng dân tộc tự khẳng định bản sắc riêng của mình.

Các giá trị nói trên tạo thành nền tảng tinh thần của xã hội.

- Văn hóa là động lực thúc đẩy sự phát triển
- Văn hóa là một mục tiêu của phát triển.

• Văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người và xây dựng xã hội mới

- Bởi vì con người (với tri thức của họ) là nguồn lực vô tận, có khả năng tái sinh và tự sinh không bao giờ cạn kiệt.

- *"Tài nguyên"* con người, cái vốn con người, nói cho cùng chính là vốn trí tuệ của dân tộc. Như vậy văn hóa trực tiếp tạo dựng và nâng cao vốn *"tài nguyên người"*

***Hai là,*** nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc

• Tiên tiến:

- Về nội dung tư tưởng: là, yêu nước và tiến bộ, nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh,

- Về hình thức biểu hiện và phương tiện chuyển tải nội dung: văn minh, hiện đại.

• Bản sắc dân tộc:

- Là những giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt nam được vun đắp qua lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước.

- Biểu hiện cụ thể: Lòng yêu nước, ý chí tự cường, đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân- gia đình – làng xã – Tổ quốc, lòng nhân ái, khoan dung, trọng tình nghĩa, đạo lý, cần cù, sáng tạo trong lao động; tinh tế trong ứng sử, giản dị trong lối sống.

Bản sắc còn biểu hiện trong hình thức dân tộc độc đáo.

- Hệ giá trị làm nên cái cốt lõi của một nền văn hóa, nó là những gì nhân dân quan tâm, là niềm tin mà nhân dân cho là thiêng liêng, bất khả xâm phạm.

- Khi hệ giá trị được chuyển thành chuẩn mực xã hội, nó định hướng cho lựa chọn trong hành động của cá nhân và cộng đồng. Vì vậy nó là cơ sở tinh thần cho sự ổn định xã hội và sự vững vàng của chế độ.

- Đảng ta chủ trương: vừa bảo vệ bản sắc dân tộc, vừa mở rộng giao lưu văn hóa nhân loại, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa thế giới, bắt kịp sự phát triển của thời đại.

- Giữ gìn bản sắc dân tộc đi liền với sự loại bỏ những cái lỗi thời.

***Ba là,*** Nền văn hóa Việt nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt nam

***Bốn là,*** Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp chung của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

***Năm là,*** Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu

- **Hội nghị TW 2 khóa VIII** (12-1996) khẳng định:

*Giáo dục* và *đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế-xã hội.*

• Thực hiện quan điểm này Đảng ta chủ trương:

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; thực hiện "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa".

- Chuyển dần sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập và hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học. Phát triển hệ thống học tập cho mọi người.

Tạo nhiều khả năng, cơ hội khác nhau cho người học.

- Đổi mới mạnh mẽ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông. Khẩn trương điều chỉnh khắc phục tình trạng quá tải, bảo đảm tính khoa học, cơ bản, phù hợp tâm lý lứa tuổi và điều kiện cụ thể VN.

- Phát triển manh hệ thống giáo dục nghề nghiệp, phục vụ các khu công nghiệp, các vùng kinh tế động lực và cho xuất khẩu lao động.

- Bảo đảm đủ số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên ở tất cả các cấp học, bậc học. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy-hoc. Hoàn thiện hệ thống đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục. Cải tiến nội dung và phương pháp thi cử. Khắc phục những mặt yếu kém và tiêu cực của giáo dục.

- Thực hiện xã hội hóa giáo dục.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo.

- Phát triển khoa học xã hội, tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề vấn đề lý luận về con đường đi lên CNXH ở nước ta.

- Phát triển khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, tập trung nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, đặc biệt các lĩnh vực Việt Namn có nhu cầu và thế mạnh.

- Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế khoa học-công nghệ. Nâng cao chất lượng và khả năng thương mại hóa các sản phẩm khoa học và công nghệ.

***Sáu là,*** văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

- Cần thấy hết tính chất khó khăn, phức tạp, đòi hỏi nhiều thời gian của sự nghiệp cách mạng trong văn hóa;

- Kết hợp xây và chống, xây là chính. Chống mưu toan lợi dụng văn hóa để "diễn biến hòa bình".

**c. Đánh giá việc thực hiện đường lối văn hóa**

(xem tr. 210,211 GT)

## II. QÚA TRÌNH NHẬN THỨC VÀ CHỦ TRƯƠNG GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

### 1. Thời kỳ trước đổi mới

a. Chủ trương của Đảng về giải quyết các vấn đề xã hội

**Giai đoạn 1945 – 1954**

- Tư tưởng chỉ đạo của Hồ Chí Minh: Độc lập tự do phải gắn liền với tự do, hạnh phúc. Dân chỉ biết rõ giá trị của độc lập, tự do khi mà dân được ăn no mặc đủ.

- Chính sách xã hội cấp bách lúc này là: làm cho dân có ăn, dân có mặc, dân có chỗ ở, dân được học hành.

Tiếp theo, làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giả, người khá giả thì giầu thêm.

- Biện pháp cụ thể là: Chính phủ hướng dẫn để các tầng lớp nhân dân chủ động, tự tổ giải quyết các vấn đề của chính mình.

**Giai đoạn 1955-1975**

- Các vấn đề xã hội được giải quyết trong mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu cũ, trong hoàn cảnh chiến tranh;
- THực hiện chế độ phân phối bình quân;
- Nhà nước và tập thể đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của xã hội bằng chế độ bao cấp tràn lan, dựa vào viện trợ.

**Giai đoạn 1975-1985**

- Các vấn đề xã hội được giải quyết theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp;
- Đất nước lâm vào hoàn cảnh khủng hoảng kinh tế-xã hội nghiêm trọng;
- Nguồn viện trợ giảm, bị cô lập, bị bao vây và cấm vận.

## *b. Đánh giá việc thực hiện đường lối*

**Thành tựu**

- Đã bảo đảm ổn định xã hội (30 năm chiến tranh và bao cấp);

- Đạt nhiều thành tựu đáng tự hào trên một số lĩnh vực:văn hóa, giáo dục, y tế, lối sống, đạo đức và kỷ cương xã hội, Miền Bắc hoàn thành nghĩa vụ hậu phương lớn.

- Những thành tựu nói trên thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ mới và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng về việc giải quyết các vấn đề xã hội trong hoàn cảnh chiến tranh kéo dài và kinh tế chậm phát triển.

**Hạn chế và nguyên nhân**

- Hình thành tâm lý thụ động, ỷ lại vào nhà nước và tập thể; kìm hãm tính tích cực làm tốt, làm giỏi của con người.

- Xã hội ổn định nhưng kém năng động, trì trệ, chậm phát triển.

- Nguyên nhân cơ bản của hạn chế nói trên là:

+ Chiến tranh kéo dài;

+ Duy trì quá lâu cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp (sau chiến tranh).

**2. Trong thời kỳ đổi mới** (1986-2011)

Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội diễn ra trong suốt quá trình từ Đại hội VI đến Đại hội XI (tr.215-216), có thể khái quát ở hai vấn đề lớn sau:

***a. Về quan điểm giải quyết các vấn đề xã hội***

1/ Kết hợp các mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội. (ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, từng đơn vị kinh tế cơ sở).

2/ Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách.

3/ Chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ.

4/ Coi trọng chỉ tiêu GDP gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI), phát triển bền vững, không chạy theo tăng trưởng về số lượng.

***b. Về chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội***

1/ Khuyến khích mọi người dân làm giầu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

2/ Bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

3/ Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả.

4/ Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe và cải thiện giống nòi.

5/ Thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

6/ Chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội.

7/ Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.

***c. Đánh giá thực hiện đường lối***

Sau 20 năm đổi mới chính sách xã hội, nhận thức về vấn đề phát triển xã hội của Đảng và nhân dân ta đã có những thay đổi tích cực có ý nghĩa bước ngoặt: (tr.220 GT)

- Từ tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể chuyển sang năng động, tích cực, chủ động.

- Từ tuyệt đối hóa lợi ích nhà nước và tập thể một cách chung chung, trừu tượng, phân phối theo lao động trên danh nghĩa (thực tế là bình quân cào bằng), chuyển sang phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, theo đóng góp các nguồn lực vào sản xuất, theo phúc lợi xã hội. Công bằng xã hội được thể hiện ngày một rõ hơn.

- Từ chỗ chưa đặt đúng tầm quan trọng của chính sách xã hội, chuyển sang thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội.

- Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ việc giải quyết việc làm, chuyển sang tạo cơ chế để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm.

- Từ chỗ không chấp nhận có sự phân hóa giầu –nghèo, chuyển sang khuyến khích mọi người làm giầu hợp pháp, đi đôi với tích cực xóa đối, giảm nghèo, coi một bộ phận giầu trước là cần thiết cho sự phát triển.

- Từ chỗ muốn nhanh chóng xây dựng một cơ cấu xã hội "thuần nhất", đi đến quan niệm cần xây dựng một cộng đồng xã hội đa dạng, trong đó các tầng lớp dân cư đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết cùng phát triển.

Một xã hội "mở" đang dần dần hình thành với những con người có cách nghĩ, cách làm và cách sống mới tích cực và tến bộ hơn.

**Han chế và nguyên nhân: (tr. 221-222)**

- Giáo dục và đào tạo còn nhiều hạn chế và yếu kém kéo dài, gây bức xúc trong xã hội (lãnh đạo, quản lý, giáo dục toàn diện, dạy người, dạy nhề…).

- Áp lực gia tăng dân số còn lớn, chất lượng dân số còn thấp, vấn đề việc làm còn nan giải,

…….

Nguyên nhân:

- Còn tách rời mục tiêu kinh tế và mục tiêu xã hội;

- Quản lý xã hội còn nhiều bất cập…

---

# CHƯƠNG VIII

## ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI

**1945 - 1946**

Mục tiêu công tác đối ngoại: *"nước nhà độc lập hoàn toàn và vĩnh viễn".*

Nguyên tắc đối ngoại: lấy *"Hiến chương Đại Tây Dương"* làm nền tảng. (văn kiện do tổng thống Mỹ và thủ tướng Anh ký ngày 14-8-1941 nêu các nguyên tắc hợp tác quốc tế nhằm duy trì hòa bình và an ninh thế giới)

Phương châm đối ngoại: độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường.

**1946 – 1975**

Xây dựng mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.

## 1. Hoàn cảnh lịch sử

### *a. tình hình thế giới*

- Cách mạng KH-CN, lực lượng sản xuất thế giới
- Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản
- Hệ thống XHCN và phong trào cách mạng
- Đông Nam Á: khối SEATO, Hiệp ước Bali 2-1976

### *b. Tình hình trong nước*

- Thuận lợi: đất nước thống nhất, khí thế chiến thắng, thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Khó khăn: Hậu quả chiến tranh, thủ đoạn chống phá của kẻ thù, tư tưởng chủ quan, nóng vội.

## 2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng

- Quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại.
- Tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị, đoàn kết chiến đấu với các nước XHCN.
- Củng cố và tăng cường đoàn kết, hợp tác với Lào và Campuchia.
- Mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước không liên kết, các nước đang phát triển.
- Đấu tranh chống bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch.
- Quan hệ với các nước Đông Nam Á
- Khôi phục quan hệ bình thường với Trung Quốc

## 3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

### *a. Kết quả và ý nghĩa*

- Quan hệ đối ngoại với các nước XHCN được tăng cường:

+ Ngày 29-6-1978: ra nhập khối SEV;

+ Ngày 31-11-1978: ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô;

- 1975-1977, thiết lập thêm quan hệ ngoại giao với 23 nước;

- 15-9-1976, tiếp nhận ghế thành viên IMF;

- 21-9-1976, tiếp nhận ghế thành viên WB;

- 23-9-1976, ra nhập ADB

- 20-9-1977, tiếp nhận ghế thành viên Liên hợp quốc

- Cuối năm 1976, quan hệ ngoại giao chính thức với tất cả các nước ASEAN

Những kết quả công tác đối ngoại như trên có ý nghĩa to lớn về nhiều mặt đối với cách mạng Việt Nam.

***b. Hạn chế và nguyên nhân***

Quan hệ quốc tế của Việt Nam gặp khó khăn và trở ngại lớn, bị bao vây cô lập từ cuối 1970.

Nguyên nhân:

- Chưa tranh thủ được xu thế hòa hoãn và chạy đua kinh tế để khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh;

- "Tư tưởng chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan"

## II. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI, HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THỜI KỲ ĐỔI MỚI

### 1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối

#### *a. Hoàn cảnh lịch sử*

• Tình hình thế giới từ giữa thập niên 80 của thế kỷ XX:

- Cuộc cách mạng KH-CN tiếp tục phát triển mạnh;
- Các nước XHCN lâm vào khủng hoảng, trật tự thế giới hai cực tan rã, hình thành trật tự thế giới mới;
- Xu thế hòa bình và hợp tác phát triển;
- Các quốc gia và các lực lượng chính trị điều chỉnh chiến lược đối nội, đối ngoại;
- Đổi mới tư duy về quan niệm sức mạnh, tiêu chí kinh tế nổi lên hàng đầu;

• Xu thế toàn cầu hóa và tác động của nó

- Xu thế toàn cầu hóa kinh tế là hiện thực khách quan;
- Tác động tích cực của toàn cầu hóa
- Tác động tiêu cực của toàn cầu hóa
- Muốn tránh nguy cơ tụt hậu, kém phát triển phải tích cực chủ động hội nhập nhưng đòi hỏi cao về bản lĩnh.

• **Tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương**

- Tuy còn bất ổn những vẫn được đánh giá là khu vực ổn định;
- Có tiềm lực lớn và Năng động về kinh tế, xu thế hòa bình và hợp tác phát triển.

• **Yêu cầu và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam**

- Phải giải tỏa tình trạng đối đầu, thù địch, phá thế bị bao vây, cấm vận, bình thường hóa, mở rộng quan hệ để tập trung xây dựng kinh tế.

- Do hậu quả chiến tranh và sai lầm chủ quan, kinh tế nước ta nguy cơ tụt hậu cao, rất cần mở rộng quan hệ hợp tác để tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài.

***b. Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối***

**Giai đoạn 1986-1996**

Xác lập đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

- Luật đầu tư nước ngoài được ban hành 12-1987

- Nghị quyết số 13 của Bộ Chính trị (5-1988) *"về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới"*

Mục tiêu chiến lược và lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân ta là *phải củng cố và giữ vững hòa bình để tập trung xây dựng và phát triển kinh tế.*

- năm 1989: quyết định xóa bỏ tình trạng độc quyền ngoại thương của Nhà nước.

**Đại hội VII** (6-1991)

- *"Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế đọ chinh tị- xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình".*

*"Việt nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".*

- Các hội nghị TW khóa VII tiếp tục cụ thể hóa quan điểm của Đại hội.

- Chủ trương: triển khai mạnh mẽ và đồng bộ đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, giữ vững nguyên tắc độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội.

**Đại hội VIII (6-1996)**

- Chủ trương: *"xây dựng nền kinh tế mở", "đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới"*

- Mở rộng quan hệ với các Đảng cầm quyền và các đảng khác; Mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ; lần đầu tiên quyết định chủ trương thử nghiệm việc đầu tư ra nước ngoài.

- Khẩn trương và vững chắc đàm phản Hiệp định thương mại Việt-Mỹ, ra nhập diễn đàn kinh tế châu Á thái Bình Dương (APEC), tổ chức thương mại thế giới (WTO)

## Đại hội IX (4-2001)

- Lần đầu tiên Đảng ta nêu rõ quan điểm về xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh.
- Độc lập tự chủ phải đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.
- *"Kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển kinh tế"*
- Khẳng định một cách tự tin: *"Việt Nam muốn là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế…"*

## Đại hội X (4-2006)

Chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, bổ sung, hoàn thiện để chính thức hình thành *"đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế."*

**2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế**

***a. Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo***

- **Về cơ hội và thách thức**
  - về cơ hội
  - Về thách thức
- **Về mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại** (tr.242)

• Về tư tưởng chỉ đạo

Phải quán triệt đầy đủ, sâu sắc các quan điểm (tr.243,244)

***b. Một số chủ trương, chính sách lớn (hội nghị TW 4 khóa X)***

1/ Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững;

2/ Chủ động và tích cực hội nhập theo lộ trình phù hợp;

3/ Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc quy định của WTO;

4/ Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy Nhà nước;

5/ Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế;

6/ Giải quyết các vấn đề văn hóa, xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập;

7/ Giữ vững và tăng cườn an ninh trong qúa trình hội nhập'

8/ Phối hợp chặt chẽ giữa đối ngoại của Đảng, Ngoại giao Nhà nước, với đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại

9/ Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại.

**3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân**

***a. Thành tựu và ý nghĩa*** (tr.247-250)

***b. Hạn chế và nguyên nhân*** (tr.251)

---